

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Phạm Lệ Thủy**
Giảng viên hướng dẫn: **TS. Nguyễn Văn Tinh**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI
PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN
HẢI PHÒNG**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Lệ Thủy
Giảng viên hướng dẫn : TS. Nguyễn Văn Tĩnh**

HẢI PHÒNG - 2011

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Lệ Thủy

Mã SV: 110216

Lớp: QT1105K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu của năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

Số 1 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Tĩnh

Học hàm, học vị: Tiến Sĩ

Cơ quan công tác: BQL các khu chế xuất và công nghiệp Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó, tích cực học hỏi, nghiên cứu sâu tầm, tìm tòi, thu thập tình hình, tài liệu, số liệu phục vụ cho đề tài.
- Có ý thức trách nhiệm cao với đề tài nghiên cứu.
- Đã tranh thủ ý kiến của giáo viên hướng dẫn để bổ sung sửa chữa bài viết cho tốt hơn.
- Thái độ đúng mực, nghiêm túc, quyết tâm.
- Đảm bảo kế hoạch, quy trình, tiến độ của nhà trường đề ra.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Đảm bảo nội dung, yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ của đề tài. Kết cấu hợp lý, bố cục chặt chẽ, rõ ràng. Đã trình bày có hệ thống những lý luận cơ bản về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong DN xây lắp.
- Phản ánh khách quan, trung thực, đầy đủ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở DN đến thực tập. Các kiến nghị có cơ sở thực tế, có căn cứ khoa học, tính khả thi cao. Số liệu tính toán, sơ đồ, biểu mẫu... để chứng minh cho lập luận đưa ra có chọn lọc, cân nhắc.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,75 (Chín phẩy bảy lăm)

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

LỜI NÓI ĐẦU

Nền kinh tế nước ta trong những năm gần đây phát triển theo hướng mở, đặc biệt là sự ra nhập WTO và tự do hoá thương mại làm xuất hiện nhiều thành phần kinh tế, thêm vào đó, sự bùng nổ các loại hình trong các lĩnh vực hoạt động thương mại trong nước khiến cho tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp tăng rõ rệt.

Các doanh nghiệp muốn tồn tại và vươn lên khẳng định vị trí của mình cần phải năng động trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt cần làm tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành nhằm giảm thiểu chi phí, từ đó hạ giá thành sản phẩm song vẫn đảm bảo yêu cầu chất lượng. Ngành xây dựng cơ bản trong điều kiện phát triển như hiện nay ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc tạo ra cơ sở vật chất cho đất nước và là ngành có số vốn bỏ ra lớn. Do đó công tác hạch toán chi phí lại càng quan trọng nhằm chống thất thoát. Muốn thực hiện được các nhà quản lý cần phải nhờ đến công cụ kế toán. Kế toán luôn được xác định là khâu trọng tâm trong đó kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là bộ phận quan trọng hàng đầu với mục đích hạ thấp chi phí thông qua việc sử dụng tiết kiệm đầu vào, tận dụng tốt nguồn lực sản xuất hiện có, kết hợp các yếu tố sản xuất một cách tối ưu ... giúp quản lý chi phí, giá thành theo từng công trình, từng giai đoạn, từ đó đối chiếu, so sánh với số liệu định mức, tình hình sử dụng lao động, vật tư, chi phí dự toán để tìm ra nguyên nhân chênh lệch, kịp thời ra các quyết định đúng, điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu đã đề ra.

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp nói chung và trong các doanh nghiệp xây lắp nói riêng, trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng được sự giúp đỡ của các bác, các cô trong Phòng Kế toán, em đã đi sâu nghiên cứu chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của Công ty và chọn đề tài cho Khoá luận tốt nghiệp là: “Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng”.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngoài lời nói đầu và kết luận, khoá luận được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Chương 3: Một vài kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, em đã cố gắng tiếp cận với những kiến thức mới nhất về chế độ kế toán do nhà nước ban hành kết hợp với những kiến thức đã học trong trường Đại học. Song đây là một đề tài rộng và phức tạp, nhận thức của bản thân lại mang nặng tính lý thuyết nên đề tài của em không thể tránh khỏi thiếu sót. Em mong nhận được ý kiến đóng góp của Ban giám đốc, các cô, chú trong phòng kế toán và các phòng ban liên quan, các thầy cô giáo, và những người quan tâm để em hoàn thiện hơn những vấn đề đã đặt ra.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Phạm Lê Thuỷ

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong xây lắp

1.1.1. Đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp và sản phẩm xây lắp

Xây dựng là ngành sản xuất vật chất độc lập, quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân. Công tác xây dựng cơ bản thường do các đơn vị xây lắp nhận thầu tiến hành. Cũng như mọi ngành sản xuất vật chất khác, hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng cơ bản thực chất là biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm. Song sản phẩm và quá trình tạo ra sản phẩm ngành xây dựng có những đặc thù riêng chi phối nhiều đến công tác hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Cụ thể đó là:

Sản phẩm của xây lắp là những công trình, hạng mục công trình, vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc, thời gian xây dựng thường dài nên việc tổ chức quản lý và hạch toán nhất thiết phải có các dự toán thiết kế, thi công.

Sản phẩm xây lắp mang tính chất cố định gắn liền với địa điểm xây dựng, tuy nhiên địa điểm xây dựng lại luôn thay đổi theo địa điểm đặt sản phẩm. Như vậy các điều kiện sản xuất như con người, máy móc thiết bị, công cụ lao động phải di chuyển theo địa điểm. Chính do đặc điểm này nên các doanh nghiệp xây lắp thường phát sinh nhiều chi phí để di chuyển lực lượng thi công, chi phí xây dựng công trình tạm phục vụ thi công.

Sản phẩm xây lắp được thực hiện theo đơn đặt hàng do đó thường được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá cả thoả thuận với chủ đầu tư từ trước, vì vậy tính chất hàng hoá của sản phẩm thể hiện không rõ.

Quá trình từ khi khởi công xây dựng cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao đi vào sử dụng thường dài, phụ thuộc vào quy mô và tính chất phức tạp về kỹ

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn gồm nhiều công việc khác nhau mà việc thực hiện chủ yếu tiến hành ngoài trời do vậy chịu ảnh hưởng của các điều kiện thiên nhiên, khách quan, từ đó ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản: vật tư, máy móc dễ bị hư hỏng và ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

Những đặc điểm hoạt động kinh doanh, đặc điểm sản phẩm, đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý ngành nói trên chi phối đến công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp dẫn đến những khác biệt nhất định. Vì vậy hiện nay các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta thường tổ chức sản xuất theo phương thức khoán gọn công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp. Trong giá khoán gọn không chỉ có tiền lương mà còn có đủ các chi phí về vật liệu, công cụ dụng cụ thi công, chi phí chung của bộ phận nhận khoán.

1.1.2. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.2.1. Khái niệm

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các hao phí cần thiết khác để thực hiện sản xuất thi công trong một thời kỳ nhất định. Chi phí sản xuất đó rất đa dạng gồm nhiều loại với nội dung kinh tế, công dụng và mục đích khác nhau trong mỗi giai đoạn của quá trình thi công xây lắp.

1.1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất trong xây lắp

Ở tầm quản lý chung, người ta thường quan tâm đến việc doanh nghiệp chi ra trong kỳ những loại chi phí nào, với lượng là bao nhiêu. Và để thuận lợi cho công tác quản lý, hạch toán thì cần phải phân loại chi phí sản xuất. Việc phân loại chi phí sản xuất được tiến hành dựa trên nhiều tiêu thức khác nhau tùy thuộc vào mục đích và yêu cầu cụ thể của từng doanh nghiệp. Mỗi cách phân loại đều có công dụng nhất định đối với công tác quản lý, hạch toán, kiểm tra, kiểm soát chi phí. Sau đây em xin đưa ra một số cách phân loại chi phí sản xuất được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp:

a, Phân loại chi phí sản xuất theo các yếu tố chi phí.

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất được chia thành các yếu tố như sau:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chi phí nguyên vật liệu: gồm vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng, phế liệu, công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất kinh doanh và thiết bị xây dựng cơ bản, chi phí nhiên liệu, động lực;

- Tiền lương và phụ cấp thường xuyên của công nhân viên;

- Các khoản trích theo lương: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn;

- Khấu hao tài sản cố định: máy móc thiết bị, nhà văn phòng, nhà kho...;

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: điện, nước, điện thoại...;

- Các chi phí bằng tiền khác: giải phóng mặt bằng, đền bù, bàn giao công trình...

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố giúp cho việc xây dựng và lập dự toán chi phí sản xuất cũng như lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ tiền lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức. Đồng thời, giúp doanh nghiệp đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kỹ thuật và tài chính.

Ngoài ra, phân loại chi phí theo yếu tố còn cho phép cơ quan quản lý cấp trên kiểm tra chi phí sản xuất của doanh nghiệp, hao phí vật chất và thu nhập quốc dân.

b, Phân loại chi phí theo khoản mục trong giá thành sản phẩm.

Chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là chi phí về các loại vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu và các thiết bị đi kèm với vật kiến trúc như thiết bị vệ sinh, thông gió...

- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp kể cả công nhân của doanh nghiệp và công nhân thuê ngoài.

- Chi phí sử dụng máy thi công: là chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công trực tiếp cho việc thực hiện sản phẩm xây lắp bao gồm: chi phí khấu hao máy thi công, tiền thuê máy thi công, tiền lương của công nhân điều khiển máy thi công; chi phí nhiên liệu, động lực, dầu mỡ dùng cho máy thi công; chi phí sửa chữa máy thi công...

- Chi phí sản xuất chung: là các chi phí khác ngoài các khoản chi phí trên phát sinh ở tổ đội, công trường xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội; các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và tiền ăn ca của công nhân viên

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

toàn đội xây dựng; vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng chung cho đội xây dựng; khấu hao tài sản cố định dùng chung cho đội xây dựng; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền dùng chung cho đội xây dựng.

Theo cách phân loại này, mỗi loại chi phí thể hiện điều kiện khác nhau của chi phí sản xuất, thể hiện nơi phát sinh chi phí, đối tượng gánh chịu chi phí làm cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp theo khoản mục, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành ...

c, Các cách phân loại chi phí khác

Ngoài hai cách phân loại trên chi phí sản xuất xây lắp có thể được phân loại theo mối quan hệ giữa chi phí với đối tượng chịu chi phí. Theo cách phân loại này chi phí sản xuất xây lắp được chia thành 2 loại: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Hoặc người ta phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất. Theo mối quan hệ này chi phí sản xuất được chia thành: Chi phí bất biến, chi phí khả biến và chi phí hỗn hợp.

1.1.3. Giá thành sản phẩm xây lắp

1.1.3.1. Khái niệm

Trong xây dựng cơ bản, giá trị của sản phẩm xây dựng được xác định bằng giá trị dự toán thông qua hợp đồng giữa bên giao thầu và bên nhận thầu, trên cơ sở thiết kế kỹ thuật thi công, định mức mà đơn giá do nhà nước quy định cho từng khi vực thi công và phân tích lũy theo định mức.

Giá trị dự toán là giá thanh toán cho khối lượng công tác xây lắp hoàn thành theo dự toán.

Giá thành công tác xây lắp là một phần của giá trị dự toán, là chỉ tiêu tổng hợp các chi phí trực tiếp và các chi phí gián tiếp theo các khối lượng công tác xây lắp hoàn thành.

1.1.3.2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

Trong quá trình quản lý, giá thành công tác xây lắp được phân biệt thành các loại giá thành sau:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

a, Giá thành dự toán công tác xây lắp

Là toàn bộ các chi phí để hoàn thành khối lượng công tác xây lắp theo dự toán. Như vậy giá thành dự toán là một bộ phận của giá trị dự toán của từng công trình xây lắp riêng biệt, và được xác định từ giá trị dự toán không có phần lợi nhuận định mức.

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lợi nhuận định mức}$$

Hoặc:

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Khối lượng theo thiết kế} \times \text{Đơn giá dự toán}$$

Trong đó khối lượng xây lắp theo định mức kinh tế kỹ thuật do nhà nước ban hành, đơn giá xây lắp cũng do nhà nước ban hành theo từng khu vực thi công.

Giá thành dự toán được xây dựng và tồn tại trong một thời gian nhất định, nó được xác định trong những điều kiện trung bình về sản xuất thi công, về tổ chức quản lý, về hao phí lao động, vật tư... cho từng công trình hoặc công việc nhất định.

Giá thành dự toán có tính cố định tương đối và mang tính chất xã hội.

b, Giá thành kế hoạch

Là một loại giá thành công tác xây lắp được xác định từ điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp xây lắp (điều kiện thi công, định mức đơn giá của từng doanh nghiệp). Giá thành kế hoạch xây lắp là một chỉ tiêu để các doanh nghiệp xây lắp tự phấn đấu để thực hiện mức lợi nhuận do hạ giá thành trong kỳ kế hoạch.

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành dự toán} - \text{Lãi do hạ giá thành} + \text{Chênh lệch so với dự toán}$$

c, Giá thành định mức

Là tổng số chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở đặc điểm kết cấu của công trình, về phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đạt được ở tại doanh nghiệp, công trường tại thời điểm bắt đầu thi công.

d, Giá thành thực tế

Là loại giá thành công tác xây lắp được tính toán theo các chi phí thực tế của đơn vị

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

xây lắp đã bỏ ra để thực hiện khối lượng công tác xây lắp và được xác định theo số liệu của kế toán. Về nguyên tắc giá thành thực tế công tác xây lắp không lớn hơn giá thành kế hoạch xây lắp.

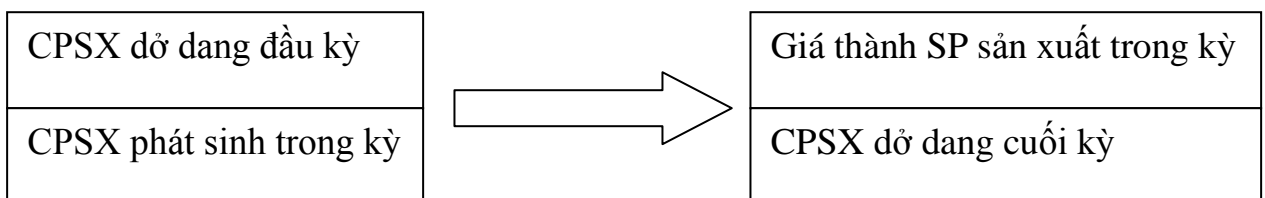
1.1.4. Mọi quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp

Cả chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều là các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá. Tuy nhiên, nói đến chi phí sản xuất là nói đến toàn bộ các chi phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp chi ra trong một thời kỳ, không kể chi phí đó chi cho bộ phận nào và cho sản xuất sản phẩm gì. Ngược lại, nói đến giá thành sản phẩm người ta chỉ quan tâm đến các chi phí đã được chi liên quan đến việc sản xuất hoàn thành một khối lượng sản phẩm, hoặc thực hiện một công việc mà không quan tâm đến chi phí đó chi ra vào kỳ nào. Chi phí sản xuất là căn cứ để tính giá thành của sản phẩm trong doanh nghiệp.

Công thức tính tổng giá thành sản phẩm:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng} \\ \text{giá thành} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CPSX kỳ trước} \\ \text{chuyển sang} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CPSX phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CPSX} \\ \text{chuyển sang} \\ \text{kỳ sau} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{làm giảm} \\ \text{giá thành} \end{array}$$

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và tổng giá thành được thể hiện bằng sơ đồ sau:



1.2. Tổ chức kế toán chi phí và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1. Kế toán chi phí sản xuất

1.2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất phát sinh luôn gắn liền với nơi diễn ra hoạt động sản xuất và với sản phẩm được sản xuất (công trình, hạng mục công trình) nên để tập hợp được chi phí sản xuất kế toán cần xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất để từ đó thực hiện kiểm soát chi phí, tính giá thành sản phẩm, tổng hợp chi phí sản xuất

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

của doanh nghiệp. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất được xác định là phạm vi (giới hạn) để tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh.

Xác định đối tượng tập hợp chi phí là khâu đầu tiên, đặc biệt quan trọng đối với kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Để xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất doanh nghiệp cần dựa theo một số tiêu thức sau:

- Tính chất sản xuất, loại hình sản xuất, đặc điểm của quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm: sản xuất giản đơn hay phức tạp, đơn chiếc hay hàng loạt...;
- Đặc điểm tổ chức sản xuất: trong các doanh nghiệp xây dựng thường là phương thức khoán.
- Yêu cầu tính giá thành, yêu cầu quản lý chi phí, khả năng và trình độ tổ chức hạch toán của doanh nghiệp...

Các doanh nghiệp xây lắp do có tính đặc thù riêng về tính chất, đặc điểm sản xuất kinh doanh, đặc điểm sản phẩm, có quy trình công nghệ phức tạp, loại hình sản xuất đơn chiếc, sản xuất thi công theo đơn đặt hàng... Nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình, hạng mục công trình theo từng đơn đặt hàng và từng đơn vị thi công.

1.2.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Các doanh nghiệp xây lắp hiện nay sử dụng một số phương pháp khác nhau để tập hợp chi phí sản xuất cho đối tượng đã xác định. Trong đó phổ biến là các phương pháp sau:

- Phương pháp tập hợp trực tiếp chi phí sản xuất: được sử dụng đối với các khoản chi phí trực tiếp - là những chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định. Công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.
- Phương pháp gián tiếp phân bổ chi phí sản xuất: áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí nên không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Trường hợp này người ta phải chọn ra một tiêu chuẩn hợp lý để phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan theo công thức:

$$C_i = \frac{\sum C}{\sum_{i=1}^n T_i} \times T_i$$

Trong đó : C_i : là chi phí sản xuất phân bổ cho đối tượng thứ i .

$\sum C$: là tổng chi phí sản xuất đã tập hợp cần phân bổ.

$\sum_{i=1}^n T_i$: là tổng đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ.

T_i : là đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ của đối tượng i .

Đại lượng tiêu chuẩn dùng để phân bổ được lựa chọn tùy từng trường hợp cụ thể. Độ tin cậy của thông tin về chi phí phụ thuộc vào tính hợp lý của tiêu chuẩn phân bổ được lựa chọn.

Kết hợp đồng thời với phương pháp tập hợp chi phí trên và để phù hợp với đặc điểm hạch toán của ngành, trong doanh nghiệp xây lắp còn sử dụng một số phương pháp tập hợp chi phí sau:

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo sản phẩm (theo công trình, hạng mục công trình): chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng công trình hạng mục công trình riêng biệt, nếu chi phí sản xuất có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình thì sẽ được phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng: các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng riêng biệt và như vậy tổng số chi phí sản xuất tập hợp được từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành đơn đặt hàng là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo đơn vị thi công: chi phí sản xuất phát sinh tại đơn vị thi công nào được tập hợp riêng cho đơn vị đó. Tại mỗi đơn vị thi công, chi phí sản xuất lại được tập hợp theo từng đối tượng chịu chi phí: hạng mục công trình, nhóm hạng mục công trình... Cuối kỳ, tổng số chi phí tập hợp được phải phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình để tính giá thành sản phẩm riêng.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.1.3. Kế toán chi phí sản xuất

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp lựa chọn các cách hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

Trong giới hạn phạm vi bài khoá luận này em xin trình bày việc hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

1.2.1.3.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm tất cả các chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho thi công xây lắp như:

- Vật liệu xây dựng: cát, đá, sỏi, sắt, thép...;
- Vật liệu khác: bột màu, đinh, dây...;
- Nhiên liệu: than củi, dầu nhớt...;
- Vật kết cấu: bê tông đúc sẵn...
- Thiết bị gắn liền với vật kiến trúc: thiết bị vệ sinh, thông gió, chiếu sáng, sưởi ấm...(kể cả xi mạ, bảo quản thiết bị).

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào tổ chức tập hợp theo phương pháp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó theo giá trị thực tế. Đối với các vật liệu liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí (nhiều công trình, hạng mục công trình) phải phân bổ cho từng đối tượng theo

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

tiêu chuẩn hợp lý như số lần sử dụng, định mức chi phí, khối lượng xây lắp hoàn thành...

Tài khoản sử dụng: TK621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”:

Nội dung: TK621 phản ánh các chi phí NVL được sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất sản phẩm, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất.

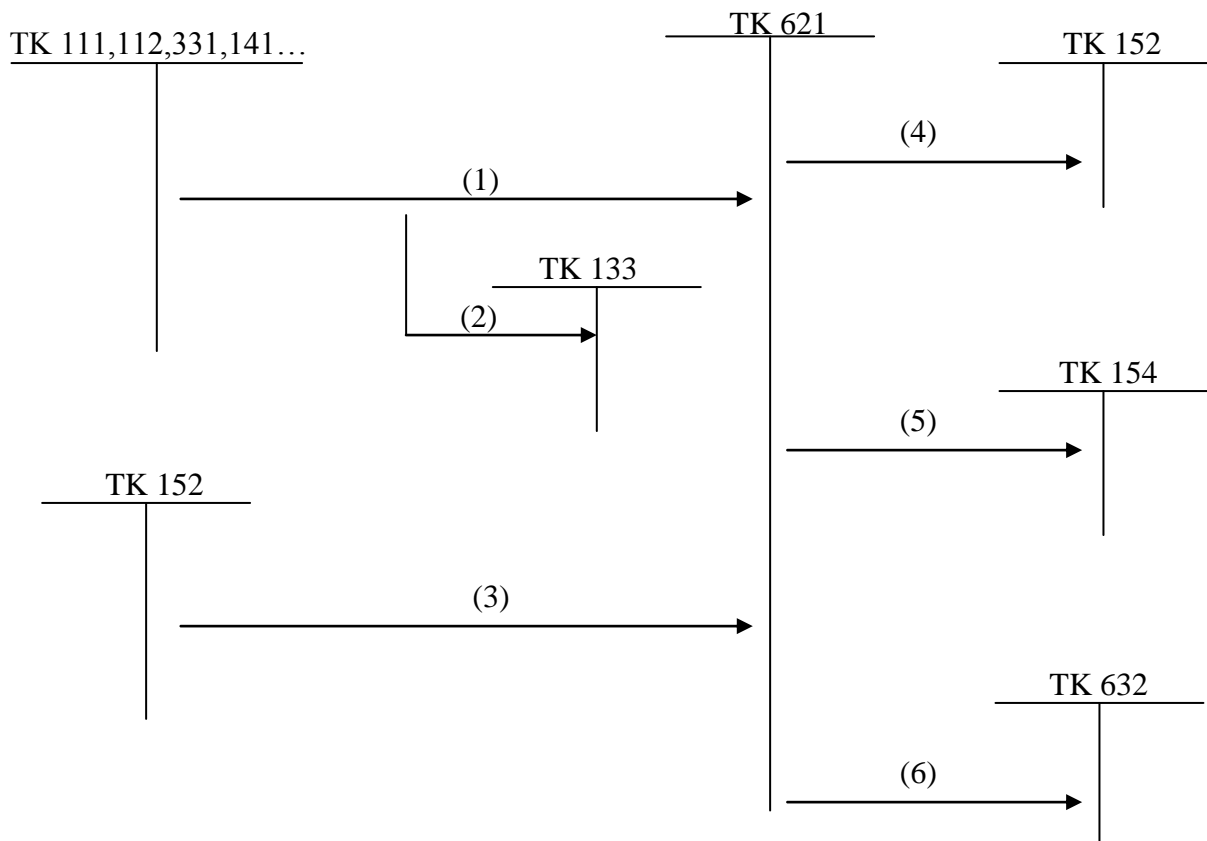
Kết cấu:

Bên nợ TK 621: Trị giá thực tế NVL xuất dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm trong kỳ.

Bên có TK 621: - Trị giá NVL sử dụng không hết nhập kho

- Kết chuyển phân bổ trị giá NVL thực tế sử dụng cho sản xuất kinh doanh trong kỳ cho các đối tượng chịu chi phí

Sơ đồ 1.1: Trình tự kế toán Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(1): Mua nguyên vật liệu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, không nhập kho mà sử dụng ngay cho công trình, hạng mục công trình.

(2): Thuế GTGT được khấu trừ

(3): Xuất kho vật liệu sử dụng trực tiếp cho các công trình, hạng mục công trình.

(4): Vật liệu xuất ra không sử dụng hết cho hoạt động xây lắp, cuối kì nhập lại kho.

(5): Cuối kì hạch toán, phân bổ và kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo đối tượng tập hợp chi phí.

(6): Chi phí nguyên vật liệu vượt trên mức bình thường.

1.2.1.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm tiền lương, phụ cấp cho công nhân trực tiếp tham gia công tác thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, cụ thể bao gồm:

- Tiền lương chính của công nhân trực tiếp thi công xây lắp kể cả công nhân phụ. Công nhân chính như: công nhân mộc, nề, xây, uốn sắt, lắp ráp, trộn bê tông...; công nhân phụ như: công nhân khuôn vác, lau chùi thiết bị...

- Các khoản phụ cấp theo lương như phụ cấp làm đêm, thêm giờ, trách nhiệm, chức vụ, công trường, khu vực, độc hại...

- Tiền lương phụ của công nhân trực tiếp thi công xây lắp.

Ngoài các khoản trên, khoản mục chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm khoản phải trả cho lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương của nhân công khi vận chuyển vật liệu ngoài cự ly công trường, lương nhân viên thu mua bảo quản bốc dỡ vật liệu trước khi đến kho công trường, lương công nhân tát nước vét bùn khi thi công gặp trời mưa hay gặp mạch nước ngầm và tiền lương của các bộ phận khác (sản xuất phụ, xây lắp phụ, nhân viên bảo vệ, quản lý...).

Mặt khác, khoản mục chi phí này cũng không bao gồm tiền ăn giữa ca và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) theo tỷ lệ quy định tính trên tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp thi công xây lắp.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp có các hoạt động khác mang tính chất công nghiệp hoặc cung cấp dịch vụ thì vẫn được tính vào khoản mục chi phí nhân công trực tiếp các khoản trích theo lương và tiền ăn giữa ca của công nhân trực tiếp.

Tài khoản sử dụng: TK622 “ chi phí nhân công trực tiếp”

Nội dung: TK622 phản ánh chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

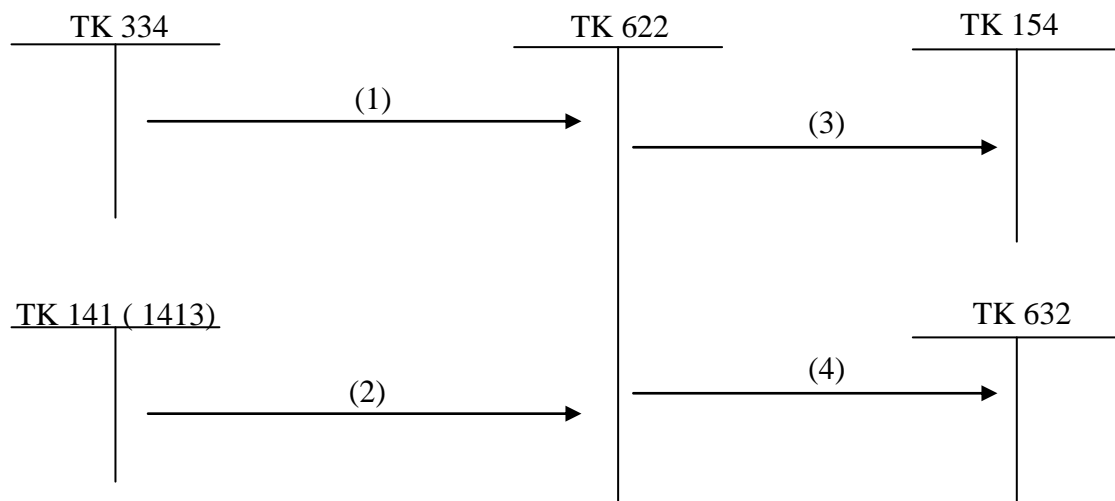
Kết cấu:

Bên Nợ TK 622: chi phí nhân công trực tiếp tham gia thi công trong kỳ.

Bên Có TK 622: - Kết chuyển CPNCTT

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK 632.

Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp



(1): Tính lương phải trả công nhân xây lắp

(2): Quyết toán tạm ứng lương đối với giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao đã được phê duyệt đối với phần khoán xây lắp nội bộ. Tạm ứng để thực hiện giá trị khoán xây lắp nội bộ. Khi bản quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp đã hoàn thành bàn giao được duyệt.

(3): Cuối kì kế toán tính phân bổ và kết chuyển chi phí NCCTT cho từng công trình, hạng mục công trình theo phương pháp trực tiếp hoặc phân bổ gián tiếp.

(4): Kết chuyển chi phí NCTT vượt trên mức bình thường vào giá vốn.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.1.3.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Đối với trường hợp doanh nghiệp thực hiện việc xây lắp theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công bằng thủ công vừa kết hợp thi công bằng máy móc, trong giá thành xây lắp còn có khoản mục chi phí sử dụng máy thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc sử dụng máy thi công như:

- Tiền lương của công nhân điều khiển máy móc thi công kể cả công nhân phục vụ máy và các khoản phụ cấp theo lương, kể cả khoản tiền ăn giữa ca của công nhân trực tiếp điều khiển máy thi công.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định là máy móc thi công.

- Chi phí về vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng cho máy móc thi công.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm chi phí về sửa chữa, bảo trì, điện nước cho máy thi công, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Các khoản chi khác có liên quan đến việc sử dụng máy thi công kể cả khoản chi cho lao động nữ.

Chi phí sử dụng máy thi công không bao gồm khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tiền lương của công nhân điều khiển máy thi công. Khoản này được tính vào chi phí sản xuất chung. Chi phí sử dụng máy thi công cũng không bao gồm các khoản sau: Lương công nhân vận chuyển, phân phối vật liệu cho máy; vật liệu là đối tượng chế biến của máy, các chi phí lắp đặt lần đầu cho máy thi công, chi phí sử dụng máy móc thiết bị khác và các chi phí có tính chất quản lý, phục vụ chung.

Trường hợp doanh nghiệp thi công hoàn toàn bằng thủ công hoặc thi công hoàn toàn bằng máy móc, các chi phí phát sinh không đưa vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công mà được xem là chi phí sản xuất chung.

Tài khoản sử dụng: TK 623 “ Chi phí sử dụng máy thi công ”

Nội dung: TK 623 dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình trong trường hợp doanh

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công, vừa kết hợp bằng máy.

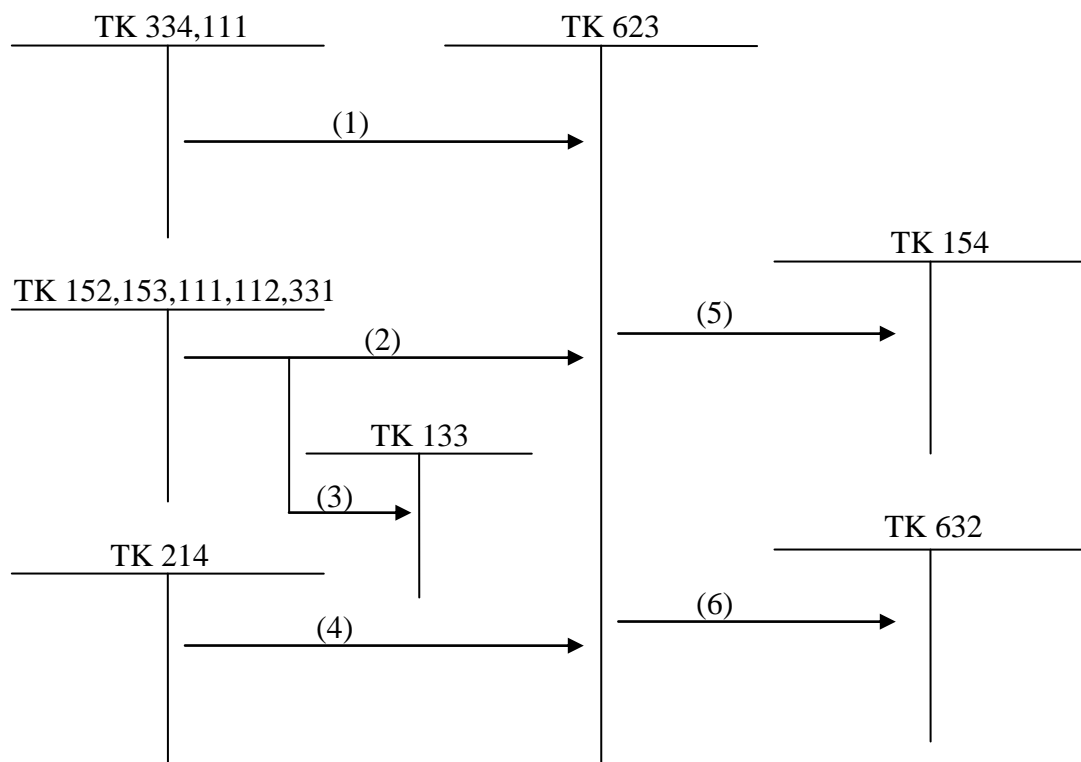
Kết cấu:

Bên Nợ TK 623: Các chi phí liên quan đến hoạt động của máy thi công (Chi phí nguyên vật liệu cho máy hoạt động, chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương, tiền công của công nhân trực tiếp điều khiển máy, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy thi công...). Chi phí vật liệu, chi phí phục vụ khác cho máy thi công.

Bên Có TK 623: - Kết chuyển chi phí sử dụng xe, máy thi công vào bên Nợ TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt trên mức bình thường.

Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán chi phí sử dụng máy thi công



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(1): Tiền công, tiền lương và các khoản phụ cấp cho công nhân điều khiển xe, máy thi công, phục vụ máy thi công.

(2): Chi phí nhiên liệu, vật liệu, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động của xe, máy thi công

(3): Thuế GTGT được khấu trừ đối với trường hợp mua nhiên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ không qua nhập kho xuất dùng ngay, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ cho xe, máy thi công.

(4): Chi phí khấu hao xe, máy thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp công trình.

(5): Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

(6): Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vượt trên mức bình thường vào giá vốn.

1.2.1.3.4. Kế toán chi phí sản xuất chung và phân bổ chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là các chi phí trực tiếp khác (ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công) và các chi phí về tổ chức, quản lý phục vụ sản xuất xây lắp, các chi phí có tính chất chung cho hoạt động xây lắp gắn liền với từng đơn vị thi công như tổ, đội, công trường thi công.

Chi phí sản xuất chung bao gồm các khoản chi phí như sau:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: gồm tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương, phụ cấp lưu động phải trả cho nhân viên quản lý đội xây dựng, tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý đội xây dựng và của công nhân xây lắp; khoản trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành trên tiền lương phải trả của công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội thuộc biên chế của doanh nghiệp.

Ngoài khoản chi phí của nhân viên quản lý công trường, kế toán, thống kê, kho, vệ sinh... của công trường, chi phí nhân viên phân xưởng còn bao gồm tiền công vận chuyển vật liệu ngoài cự ly thi công do mặt bằng thi công chật hẹp, công tát nước vét bùn khi trời mưa hoặc gặp mạch nước ngầm...

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chi phí vật liệu: gồm chi phí vật liệu cho đội xây dựng như vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, công cụ dụng cụ thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng, chi phí lán trại tạm thời.

- Trường hợp vật liệu mua ngoài xuất thẳng cho đội xây dựng, nếu doanh nghiệp được khấu trừ thuế thì chi phí vật liệu không bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- Chi phí dụng cụ sản xuất xây lắp: gồm các chi phí về công cụ dụng cụ dùng cho thi công như cuốc xẻng, dụng cụ cầm tay, xe đẩy, đà giáo, ván khuôn, và các loại công cụ dụng cụ khác dùng cho sản xuất và quản lý đội xây dựng. Chi phí dụng cụ sản xuất xây lắp không gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào nếu doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: gồm chi phí khấu hao tài sản cố định dùng chung cho hoạt động của đội xây dựng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của phân xưởng, tổ, đội xây lắp như: Chi phí sửa chữa, chi phí thuê ngoài, chi phí điện, nước, điện thoại, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: gồm các chi phí bằng tiền khác ngoài các khoản chi phí đã kể trên phục vụ cho hoạt động của phân xưởng, tổ, đội xây lắp.

Trong trường hợp doanh nghiệp tổ chức thi công hỗn hợp vừa bằng thủ công vừa bằng máy, khoản chi phí khấu hao máy móc thi công được tính vào chi phí sử dụng máy thi công chứ không tính vào chi phí sản xuất chung.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình, hạng mục công trình cụ thể căn cứ vào các tiêu thức khác nhau như: Giá trị công trình, hạng mục công trình; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp.

Tài khoản sử dụng: TK627 “ Chi phí sản xuất chung”.

Nội dung: TK 627 phản ánh những chi phí phục vụ cho sản xuất xây lắp trong quá trình tiến hành xây dựng cơ bản tại các công trường, các đội và các xí nghiệp trong doanh nghiệp XDCB.

Kết cấu:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Bên Nợ TK 627: Tập hợp các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

Bên Có TK 627:

- Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung;
- Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ do mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường;
- Kết chuyển chi phí sản xuất chung.

Tài khoản này có thể mở chi tiết cho từng công trình, từng đội thi công, từng bộ phận và cũng được mở đồng thời các TK cấp 2 để theo dõi Chi phí SXC theo yếu tố chi phí sản xuất. Trong đó:

TK6271 : Chi phí nhân viên quản lý xí nghiệp, đội sản xuất.

TK6272: Chi phí vật liệu.

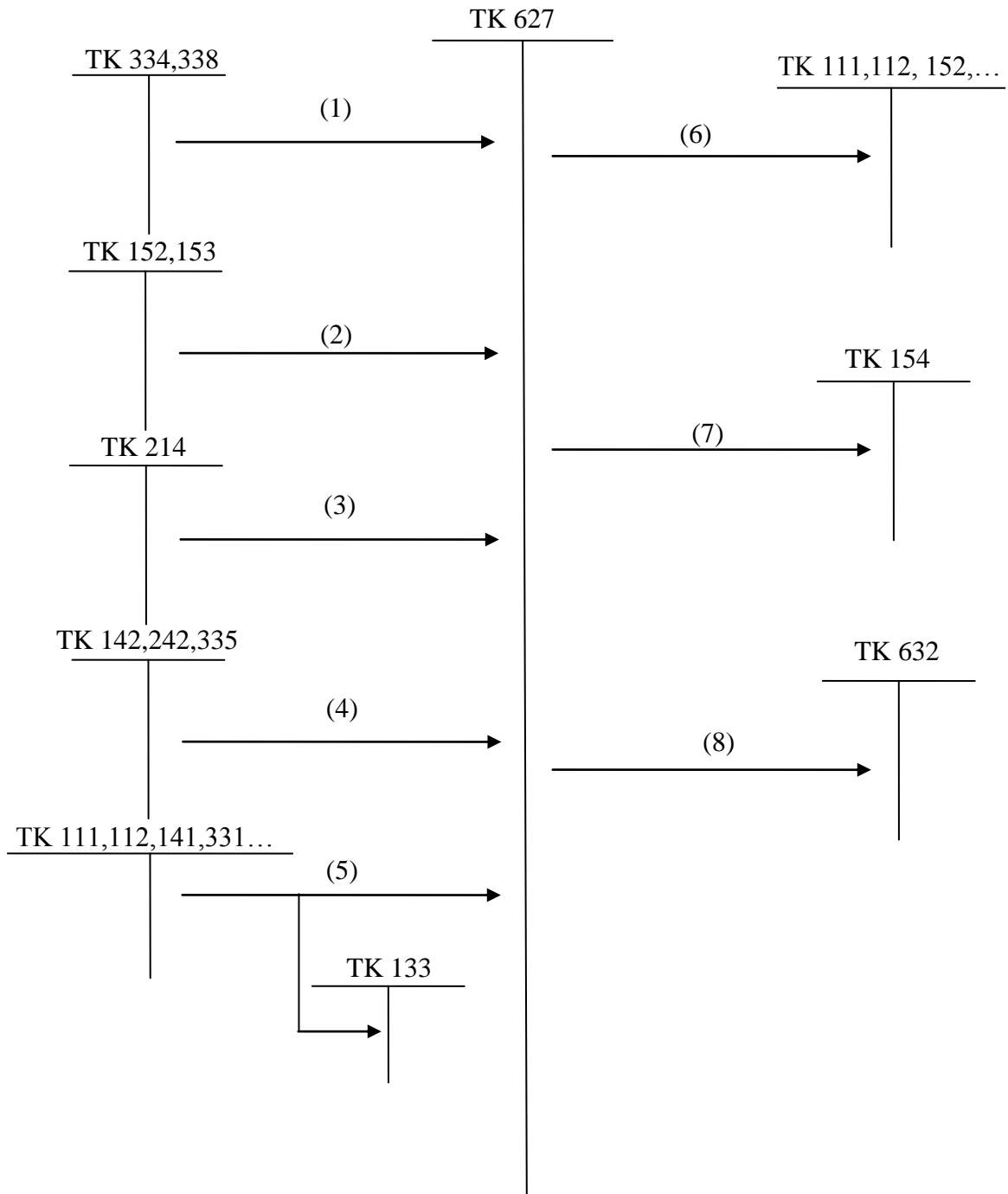
TK6273: Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất.

TK6274: Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK6278: Chi phí dịch vụ mua ngoài khác.

Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(1): Chi phí nhân viên

(2): Chi phí vật liệu, dụng cụ

(3): Chi phí khấu hao TSCĐ

(4): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước

(5): Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác

(6): Các khoản giảm chi phí sản xuất chung

(7): Cuối kỳ tính, phân bổ và kết chuyển chi phí sản xuất chung theo đối tượng tập hợp chi phí.

(8): Chi phí sản xuất chung cố định không được tính vào giá thành sản phẩm mà tính vào giá vốn hàng bán do mức sản xuất thực tế nhỏ hơn công suất bình thường.

1.2.1.3.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ chi phí vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định. Việc tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp phải được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình và theo các khoản mục chi phí đã quy định.

Tài khoản sử dụng: TK 154 “ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Nội dung: TK 154 phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp

Kết cấu:

Bên Nợ TK 154: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan tới giá thành sản phẩm xây lắp công trình hoặc giá thành xây lắp theo giá khoán nội bộ.

Bên Có TK 154:

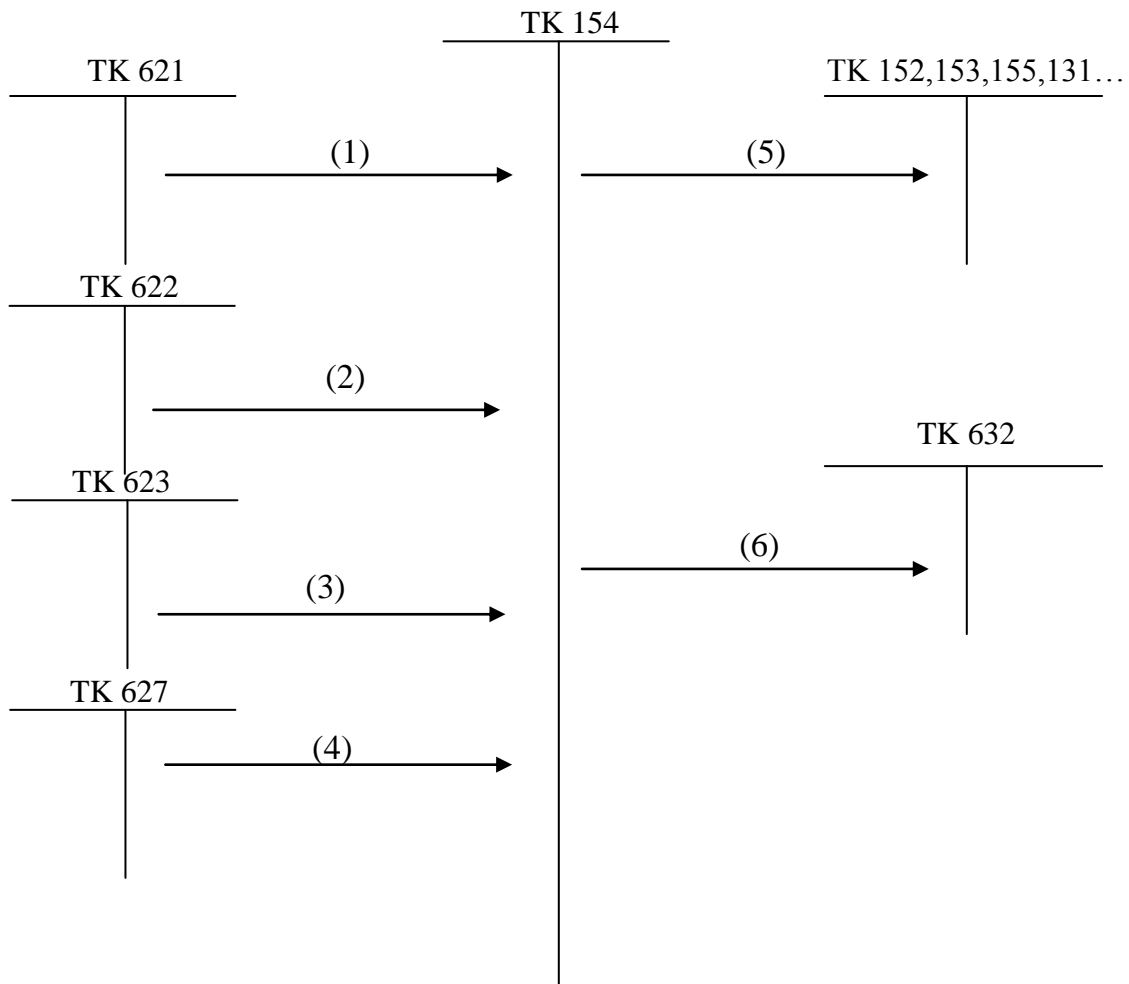
- Giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao từng phần hoặc toàn bộ tiêu thụ trong kỳ; hoặc bàn giao cho đơn vị nhận thầu chính xây lắp

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(Cấp trên hoặc nội bộ); hoặc giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành chờ tiêu thụ.

- Chi phí của hợp đồng không thể thu hồi.
- Nhập kho nguyên vật liệu thừa, phế liệu thu hồi nhập kho hoặc các khoản thu từ việc bán vật liệu thừa và phế liệu.
- Thu từ thanh lý máy móc, thiết bị thi công.

Sơ đồ 1.5: Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- (1): Cuối kì phân bổ, kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- (2): Cuối kì phân bổ, kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp.
- (3): Cuối kì phân bổ, kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công.
- (4): Cuối kì phân bổ, kết chuyển chi phí sản xuất chung.
- (5): Giá trị nguyên vật liệu, phế liệu nhập kho, thu từ thanh lý TSCĐ, máy móc thi công...
- (6): Giá thành khối lượng xây lắp bàn giao hoàn thành.

1.2.1.3.6. Kế toán kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Việc xác định giá trị sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ được thực hiện bằng phương pháp kiểm kê cuối tháng và phụ thuộc vào phương thức thanh toán sản phẩm xây lắp giữa đơn vị nhận thầu và giao thầu.

Đối với những công trình xây lắp bàn giao một lần, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ thường được đánh giá theo chi phí thực tế:

<i>Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ</i>	<i>Tổng chi phí vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh</i>
---	---

Đối với những công trình bàn giao nhiều lần, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ thường được đánh giá theo sản lượng hoàn thành tương đương hoặc đánh giá theo chi phí định mức.

Nếu xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ theo sản lượng hoàn thành tương đương, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá thành dự toán} \\ \text{của khối lượng công} \\ \text{việc hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thành dự toán của} \\ \text{khối lượng công việc} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{dự toán của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{công việc dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nếu đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí định mức, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng công việc} \\ \text{thi công xây lắp} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Định mức chi phí sản xuất (nguyên} \\ \text{vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công} \\ \text{trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi} \\ \text{công, chi phí sản xuất chung)} \end{array}$$

1.2.2. Tổ chức kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp

1.2.2.1. Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành

a, Đối tượng tính giá thành

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm, nó có ý nghĩa quan trọng, là căn cứ để kế toán mở các bảng chi tiết tính giá thành và tổ chức công tác tính giá thành theo từng đối tượng phục vụ cho việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.

Trong sản xuất xây dựng cơ bản, sản phẩm có tính đơn chiếc, đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình đã xây dựng hoàn thành. Ngoài ra đối tượng tính giá thành có thể là từng giai đoạn công trình hoặc từng giai đoạn hoàn thành quy ước, tùy thuộc vào phương thức bàn giao thanh toán giữa đơn vị xây lắp và chủ đầu tư.

b, Kỳ tính giá thành

Đối với các doanh nghiệp xây lắp kỳ tính giá thành được xác định như sau:

Nếu đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình hoàn thành hoặc theo đơn đặt hàng thì thời điểm tính giá thành là khi công trình, hạng mục công trình hoặc đơn đặt hàng hoàn thành.

Nếu đối tượng tính giá thành là các hạng mục công trình được quy định thanh toán theo giai đoạn xây dựng thì kỳ tính giá thành là theo giai đoạn xây dựng hoàn thành.

Nếu đối tượng tính giá thành là những hạng mục công trình được quy định thanh toán định kỳ theo khối lượng từng loại công việc trên cơ sở giá dự toán thì kỳ tính giá thành là theo cuối tháng hoặc cuối quý.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.2.2. Phương pháp tính giá thành

Trong các doanh nghiệp xây dựng thường áp dụng phương pháp tính giá thành sau:

a, Phương pháp tính giá thành trực tiếp (giản đơn):

Đây là phương pháp tính giá thành phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp. Vì hiện nay sản xuất xây lắp mang tính đơn chiếc cho nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường phù hợp với đối tượng tính giá thành. Hơn nữa áp dụng phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành cho mỗi kỳ báo cáo, cách tính toán thực hiện đơn giản dễ dàng.

Theo phương pháp này thì tất cả các chi phí phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính thức là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng hoàn thành xây lắp bàn giao thì:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{của khối lượng,} \\ \text{hạng mục, công} \\ \text{trình hoàn thành} \\ \text{bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thi} \\ \text{công xây} \\ \text{lắp dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thi} \\ \text{công xây lắp} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thi} \\ \text{công xây lắp} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Khoản} \\ \text{điều chỉnh} \\ \text{giảm giá} \\ \text{thành} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp cho cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm và hệ số kinh tế kỹ thuật đã quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế cho từng hạng mục công trình.

b, Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là từng loại đơn đặt hàng.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo phương pháp này, hàng tháng chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng và khi hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất thực tế tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

c, Phương pháp tính giá thành theo định mức

Phương pháp này áp dụng đối với các doanh nghiệp xây dựng thoả mãn các điều kiện sau:

- Phải tính được giá thành định mức trên cơ sở các định mức và đơn giá tại thời điểm tính giá thành;
- Vạch ra được một cách chính xác các thay đổi về định mức trong quá trình thực hiện thi công công trình;
- Xác định được các chênh lệch định mức và nguyên nhân gây ra chênh lệch đó.

Theo phương pháp này giá thành thực tế sản phẩm xây lắp được xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Giá thành định} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch} \\ \text{tế của sản} & = & \text{mức của sản} & \pm & \text{thay đổi định} & \pm & \text{do thoát ly} \\ \text{phẩm xây lắp} & & \text{phẩm xây lắp} & & \text{mức} & & \text{định mức} \end{array}$$

d, Phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng thích hợp với công việc xây dựng các công trình lớn, phức tạp và quá trình xây lắp sản phẩm có thể chia ra cho các đội sản xuất khác nhau. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

Để tính giá thành sản phẩm cuối cùng phải tổng hợp chi phí sản xuất trừ đi chi phí thực tế của sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng đội và cộng thêm chi phí thực tế của sản phẩm dở dang đầu kỳ.

Công thức tính như sau:

$$Z = D \text{ đk} + C1 + C2 + \dots + Cn - Dck$$

Trong đó:

Z: giá thành thực tế của toàn bộ công trình.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

D đk: chi phí thực tế sản phẩm ở dạng đầu kỳ.

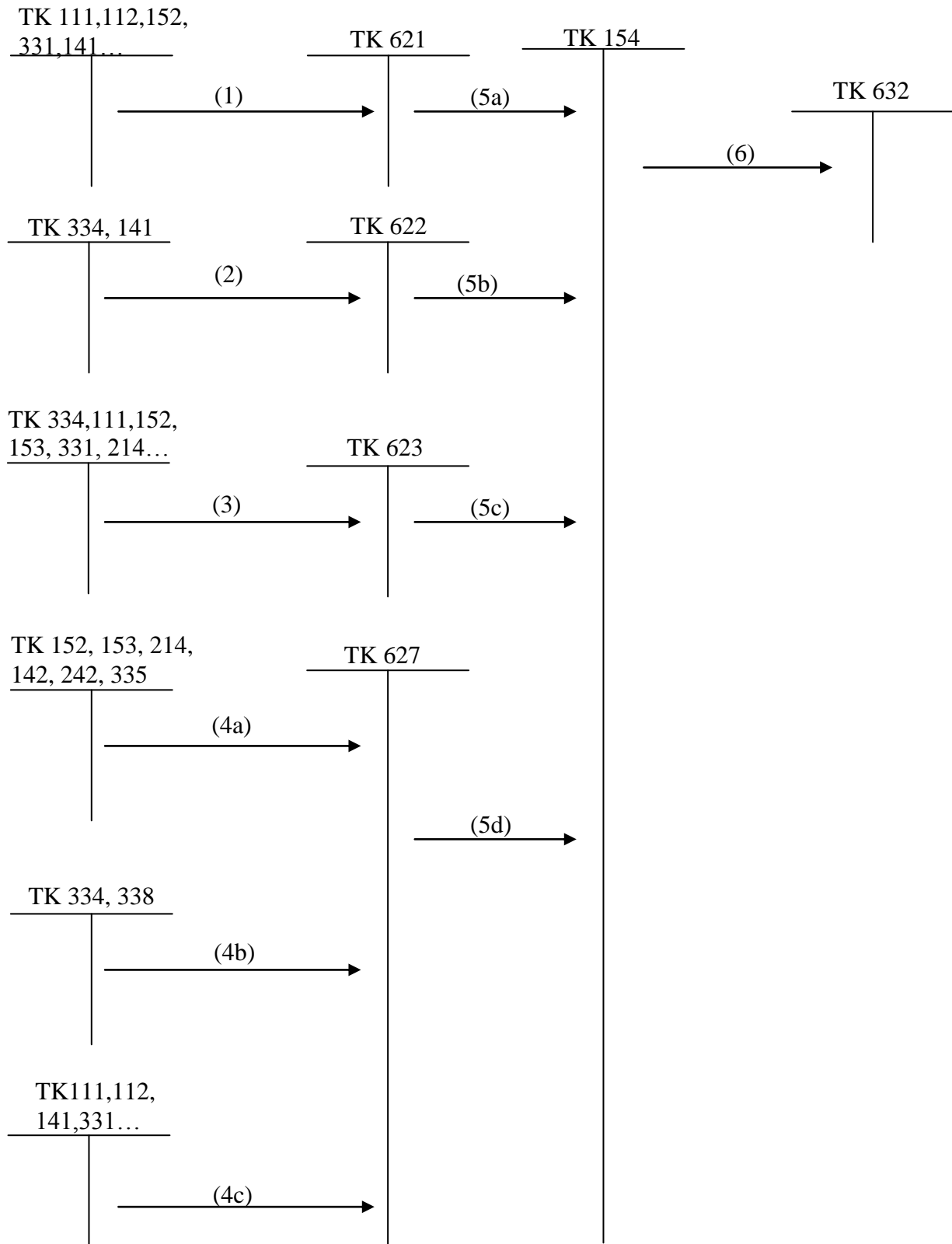
C1,C2,...Cn: là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

Dck: chi phí thực tế sản phẩm dở dang cuối kỳ.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

1.2.3 Tổng hợp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Sơ đồ 1.6: Tổng hợp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(1) Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

(2) Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.

(3) Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công.

(4a) Tập hợp chi phí sản xuất chung: nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí trích trước sửa chữa lớn tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định.

(4b) Tập hợp chi phí sản xuất chung: Tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương.

(4c) Tập hợp chi phí sản xuất chung: dịch vụ mua ngoài, tạm ứng, chi phí bằng tiền khác...

(5a) Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

(5b) Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp.

(5c) Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công.

(5d) Phân bổ chi phí sản xuất chung cho công trình cụ thể.

(6) Hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp.

1.3 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành trong điều kiện áp dụng kế toán máy

1.3.1 Nguyên tắc tổ chức kế toán trong điều kiện kế toán máy.

Ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo phù hợp với chế độ, thể lệ quản lý kinh tế tài chính nói chung và các nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành nói riêng.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng máy vi tính phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tính chất, mục đích hoạt động, quy mô và phạm vi hoạt động của đơn vị.

- Đảm bảo phù hợp với yêu cầu và trình độ quản lý, trình độ kế toán của đơn vị.

- Đảm bảo tính khoa học, đồng bộ và tự động hoá cao, trong đó phải tính đến độ tin cậy, an toàn và bảo mật trong công tác kế toán.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Tổ chức trang bị đồng bộ về cơ sở vật chất, song phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

1.3.2 Nhiệm vụ kế toán Chi phí sản xuất (CPSX) và tính giá thành sản phẩm trong điều kiện áp dụng kế toán trên máy.

Để tổ chức tốt kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu quản lý CPSX và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp, kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp cần thực hiện tốt nhiệm vụ sau:

- Xác định đối tượng kế toán tập hợp CPSX và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp và yêu cầu quản lý, từ đó tổ chức mã hoá, phân loại các đối tượng cho phép nhận diện, tìm kiếm một cách nhanh chóng tránh bị nhầm lẫn giữa các đối tượng được quản lý.

- Tổ chức hệ thống tài khoản phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Danh mục các tài khoản được sử dụng cơ sở để mã hoá, cài đặt chương trình phần mềm kế toán.

- Tổ chức tập hợp kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sản xuất theo đúng trình tự đã xác định.

- Tổ chức hệ thống sổ, báo cáo kế toán tài chính, hệ thống sổ báo cáo kế toán quản trị và đăng nhập hệ thống này trên phần mềm kế toán.

- Xây dựng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang hợp lý để xác định giá thành và hạch toán giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ một cách đầy đủ hợp lý và chính xác.

1.3.3 Nguyên tắc và các bước tiến hành kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong điều kiện sử dụng phần mềm kế toán.

- Việc tập hợp các chi phí sản xuất hoàn toàn do máy tự nhận dữ liệu từ các bộ phận liên quan và tự máy tính toán, phân bổ chi phí sản xuất trong kỳ. Do đó, từng khoản mục chi phí phải được mã hóa ngay từ đầu tương ứng với các đối tượng chịu chi phí.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Căn cứ kết quả kiểm kê đánh giá sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và nhập dữ liệu sản phẩm dở dang cuối kỳ vào máy.

- Lập thao tác các bút toán điều chỉnh, bút toán khóa sổ, kết chuyển cuối kỳ trên cơ sở hướng dẫn có sẵn.

- Căn cứ vào yêu cầu của người sử dụng thông tin, tiến hành kiểm tra các báo cáo cần thiết .

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ

XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

2.1.1.1 Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng.
- Số đăng ký kinh doanh : 0203001207 cấp ngày 04/01/2005 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200171429
- Trụ sở chính: Số 1, Trần Tất Văn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3211776
- Số Fax: 031.3876525
- Email: hecico@vnn.vn
- Số tài khoản: 32110000000425 tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng.

Các công ty con

- Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Hải Phòng
Đ/c: Số 41/142 đường Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng.
- Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ HECICO
Đ/c: Số 1 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

2.1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ một doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Điện lực Hải Phòng.

Doanh nghiệp chính thức mang tên Công ty Xây lắp điện Hải Phòng theo quyết định 144 QĐ/TCCQ ngày 20/01/1993 của UBND Thành phố Hải Phòng và được

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

chuyển đổi thành công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng theo quyết định số 3629/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND Thành phố Hải Phòng.

Căn cứ giấy phép kinh doanh số 0203001207 cấp ngày 04/01/2005, một số ngành nghề kinh doanh chủ đạo của Doanh nghiệp như sau:

- Tư vấn đầu tư, khảo sát thiết kế, giám sát thi công các công trình điện đến cấp điện áp 35kv.
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 220kv và từng phần của đường dây 500kv.
- Thi công, lắp đặt hệ thống điện động lực, điện chiếu sáng công cộng, điện tự động hoá, tín hiệu, điều khiển, báo cháy, phòng chống cháy nổ.
- Sản xuất các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn, cột điện bê tông cốt thép các loại.
- Sản xuất gia công cầu kiện thép và cột điện bằng thép, các phụ kiện phục vụ xây lắp đường dây và trạm biến áp.
- Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa tủ bảng điện, thiết bị điện công nghiệp, dân dụng, dịch vụ bảo trì hệ thống điện.
- Thí nghiệm thiết bị chuyên ngành điện và nước.
- Sản xuất dây và cáp điện.
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thuỷ lợi và xây dựng cơ sở hạ tầng khác.
- Đầu tư kinh doanh bất động sản.
- Quản lý kinh doanh bán điện, nước.
- Quản lý vận hành các trạm phát điện và quản lý vận hành lưới điện phân phối có điện áp đến 35kv.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, thiết bị năng lượng sạch và vật tư thiết bị ngành xây dựng.
- Kinh doanh dịch vụ bến bãi, vận tải hàng, vận tải hành khách.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ khi thành lập tới nay, Doanh nghiệp đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt, đổi mới công nghệ và trang thiết bị, mở rộng nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

a, Về lĩnh vực xây lắp công trình điện:

Doanh nghiệp tham gia xây lắp các công trình điện phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng, giao thông vận tải, du lịch, điện chiếu sáng công cộng, điện dân dụng... trên địa bàn Thành phố cũng như các tỉnh bạn.

Đặc biệt năm 2000, Doanh nghiệp đã thiết kế thi công hệ thống điện chiếu sáng và tín hiệu giao thông tại thủ đô ViênChăn nước CHDCND – Lào.

b, Về lĩnh vực công trình xây dựng

Doanh nghiệp đã trực tiếp thi công nhiều công trình xây dựng trong Thành phố Hải Phòng như: Nhà máy phát điện Diezen cảng Chùa Vẽ; Trung tâm điều hành điện, trạm biến áp và hệ thống mạng ở đảo Bạch Long Vĩ...

c, Về lĩnh vực chế tạo gia công cơ khí và lắp ráp thiết bị điện.

Doanh nghiệp có Xí nghiệp cơ điện được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị chuyên ngành phục vụ cho việc gia công cơ khí như: Máy cắt đột liên hợp 30T, máy đột dập, máy khoan cần, máy hàn khí CO, máy tiện TSN 152D, TDZ, máy tiện 6C3K... Phục vụ sản xuất cấu kiện thép cho thi công đường dây tải điện từ 0,4 kv đến 220kv.

Xí nghiệp cơ điện của Doanh nghiệp đã sản xuất phục vụ các công trình như: Chiếu sáng Quốc lộ 5; Xà vượt 110kv An Lạc - Cửa Cấm; Vỏ tủ trung áp hợp bộ 35kv cho Doanh nghiệp TNHH QiLi Việt Nam; Trạm biến áp kín cho khu đô thị mới Nam Từ Sơn, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh; Kết cấu thép cho trạm biến áp 1200KVA Nhà máy gạch Tuylen Hoàn Bò - Quảng Ninh, đường dây 110kv Thép Cửu Long...

Với một đội ngũ kỹ sư cơ khí chuyên ngành, tập thể công nhân lành nghề, Xí nghiệp có khả năng đáp ứng yêu cầu sản xuất của khách hàng với độ chính xác và chất lượng cao. Ngoài ra, Xí nghiệp còn có dây chuyền sản xuất hòm công tơ và vỏ tủ điện, cột đèn chiếu sáng bằng vật liệu Composite.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Doanh nghiệp còn có xưởng chuyên lắp ráp các tủ điện cao thế và hạ thế, tủ điều khiển, tủ tín hiệu, tủ tụ bù, thí nghiệm các thiết bị điện... đảm bảo chất lượng đã được khách hàng đánh giá cao.

d, Về lĩnh vực tư vấn, thiết kế và giám sát thi công.

Doanh nghiệp có đội ngũ kỹ sư có đủ năng lực, giàu kinh nghiệm chuyên tư vấn, thiết kế và giám sát thi công các công trình điện. Lĩnh vực tư vấn được mở rộng đạt kết quả cao, được bạn hàng tín nhiệm.

e, Về lĩnh vực thương mại

Ban kinh doanh của Doanh nghiệp với đội ngũ nhân viên Marketing và dịch vụ nhạy bén chuyên cung ứng các loại vật tư, thiết bị điện; các chủng loại dây, cáp điện và vật liệu xây dựng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng trong thời gian thích hợp nhất với giá thành cạnh tranh và có bảo hành.

Chỉ số kết quả kinh doanh trong 3 năm (2008 – 2010):

Danh mục	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tổng doanh thu	77,216,585,797	98,097,917,360	108,677,992,845
Tổng chi phí	75,805,257,592	96,656,152,999	106,908,922,230
Lợi nhuận trước thuế	1,411,328,205	1,441,764,361	1,769,070,615
Nộp ngân sách	352,832,051	360,441,090	442,267,654
Lợi nhuận sau thuế	1,058,496,154	1,081,323,271	1,326,802,961
Số lao động	360	380	420
Thu nhập bình quân đầu người	1.530.500	1.883.700	2.458.250

Năm 1997 Công ty vinh dự được trao tặng Huân chương lao động hạng nhì vì đã có thành tích xuất sắc trong công cuộc xây dựng đất nước giai đoạn 1992-1996.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm 2001 một lần nữa Công ty lại được trao tặng Huân chương lao động hạng nhất vì có thành tích xuất sắc trong công cuộc xây dựng đất nước giai đoạn 1996-2000.

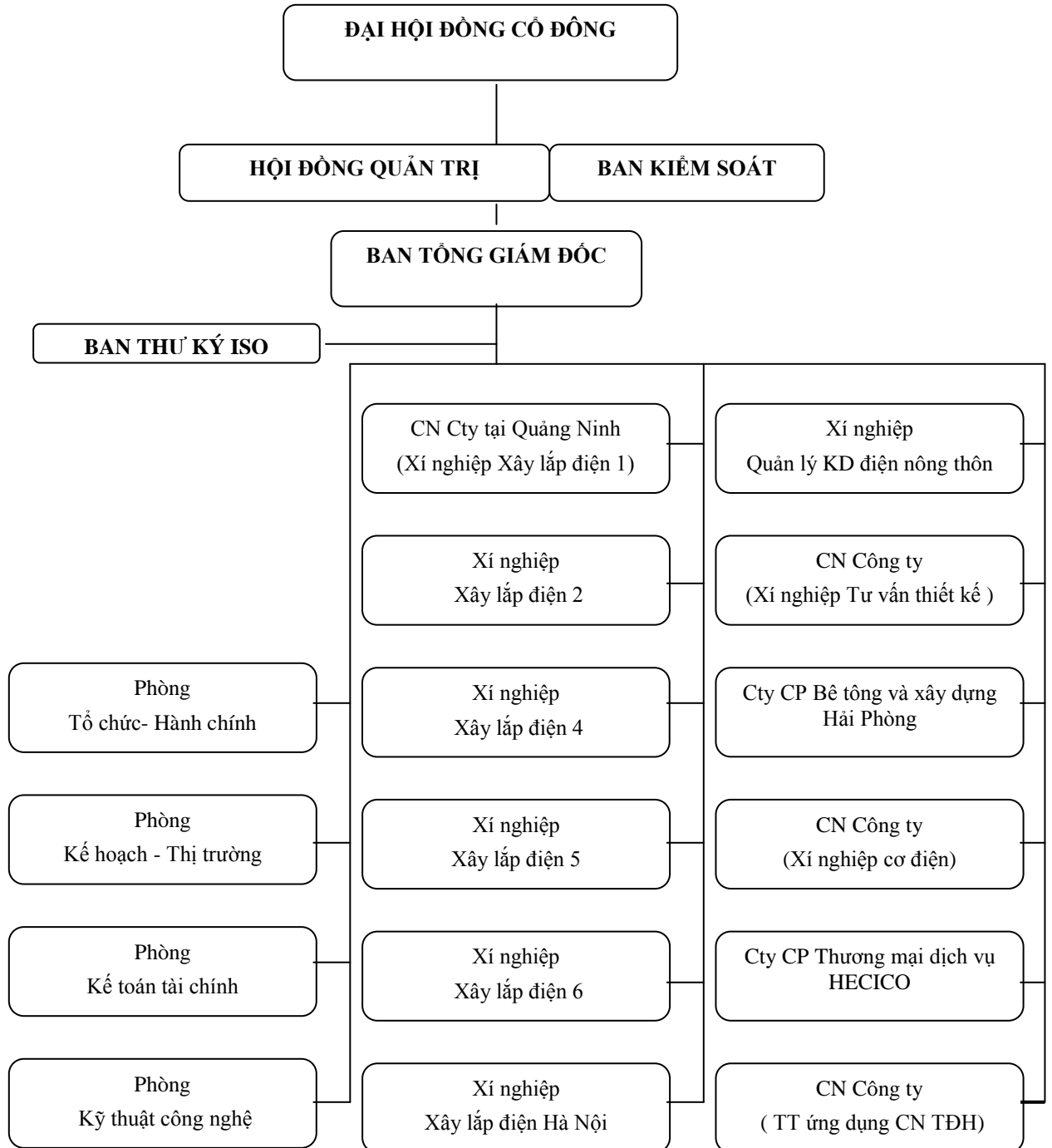
Ngoài ra Công ty còn vinh dự nhận được một số danh hiệu khác vì có đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng đất nước và góp phần phát triển kinh tế.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.2 Tổ chức quản lý trong Công ty

2.1.2.1 Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức công ty CP Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận

a, Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, thông qua định hướng phát triển của công ty, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, quyết định về cổ phần và cổ tức của các cổ đông. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát nếu gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông.

b, Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Là cơ quan quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; quyết định các phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản...

Là cơ quan trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

c, Ban Tổng giám đốc

Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Trực tiếp quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

d, Ban Thư ký ISO

Giám sát việc thực hiện quy trình của tất cả các bộ phận, phòng ban trong toàn Công ty.

Tham mưu cho lãnh đạo trong hoạch định, thiết lập, phổ biến, triển khai CSCL, MTCL của Công ty và các bộ phận chức năng, các hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng đến các đơn vị, bộ phận chức năng liên quan...

Theo dõi tiến độ triển khai, kết quả thực hiện, tìm nguyên nhân và đề xuất hoạt động điều chỉnh, khắc phục, phòng ngừa phù hợp, kịp thời, ...

e, Ban kiểm soát

Kiểm soát, giám sát mọi hoạt động trong doanh nghiệp trong đó có việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của công ty, trình báo cáo đó lên Đại hội đồng cổ đông.

Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty khi cần thiết.

f, Phòng Tổ chức - Hành chính

Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong doanh nghiệp.

Xây dựng và theo dõi việc thực hiện các kế hoạch trong toàn doanh nghiệp.

Thực hiện công tác hành chính, thông tin tổng hợp, lễ nghi, khánh tiết, công tác văn thư, lưu trữ...

g, Phòng Kế hoạch - Thị trường

Có nhiệm vụ lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để thực hiện các mục tiêu của toàn công ty.

Xây dựng các chiến lược sản xuất kinh doanh ; tổ chức hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường, đa dạng hoá hình thức dịch vụ, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh làm tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

Có nhiệm vụ lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để thực hiện các mục tiêu của toàn công ty. Xây dựng các chiến lược sản xuất kinh doanh ; tổ chức hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường, đa dạng hoá hình thức dịch vụ, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh làm tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

h, Phòng Kế toán - tài chính

Tổ chức công tác ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật.

Lập và quản lý các sổ kế toán theo quy định của chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.

Lập, trình ký và chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính Kế toán hiện hành.

Quản lý sử dụng và bảo mật chương trình phần mềm kế toán.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Chấp hành, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện, tổng hợp và đề xuất những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong những quy định về chế độ tài chính, công tác thanh toán và kế toán, thống kê.

Tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ đáp ứng mọi yêu cầu của công tác kế toán quản trị doanh nghiệp.

i, Phòng Kỹ thuật công nghệ

Chịu trách nhiệm về kỹ thuật, thiết kế, nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất.

Kiểm tra, giám sát việc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho các công trình do các xí nghiệp thi công.

Tham mưu, tư vấn về vấn đề kỹ thuật, công nghệ cho các cấp lãnh đạo.

k, Các Xí nghiệp xây lắp điện, Chi nhánh công ty và Công ty con

Đây là bộ phận trực tiếp sản xuất ra sản phẩm của Doanh nghiệp. Mỗi Xí nghiệp, Chi nhánh, Công ty con đều có bộ phận quản lý riêng.

Trực tiếp chịu trách nhiệm sản xuất sản phẩm theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ của mình.

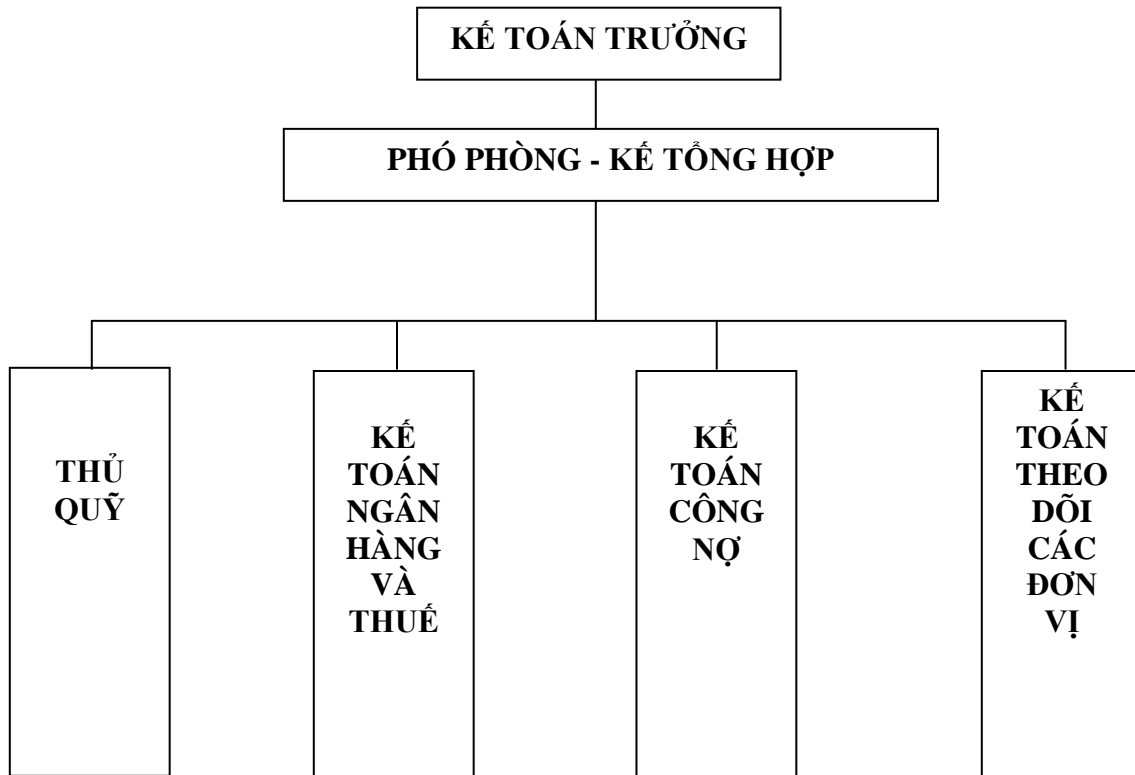
Chịu sự quản lý của cấp cao hơn, thực hiện theo đúng mục tiêu, chiến lược hoạt động của Doanh nghiệp đã đề ra.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.3 Công tác kế toán trong Công ty

2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2 : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán



Hiện nay Công ty thực hiện hạch toán sản xuất kinh doanh tập trung theo cách thức: Trên Công ty có phòng kế toán trung tâm bao gồm các bộ phận cơ cấu phù hợp với các khâu công việc, các phân hành kế toán, thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty. Các nhân viên kế toán và nhân viên kinh tế ở các bộ phận phụ thuộc Công ty làm nhiệm vụ thu nhận, kiểm tra sơ bộ chứng từ phản ánh các nhiệm vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động của bộ phận đó và gửi chứng từ kế toán về phòng kế toán Công ty.

Phòng kế toán Công ty có 12 người, gồm có:

Trưởng phòng - ông Phùng Văn Thước; Phó phòng kiêm kế toán tổng hợp; Thủ quỹ; Kế toán tiền mặt, tiền lương, thanh toán, chi phí quản lý, bảo hiểm y tế; Kế toán ngân hàng, bảo hiểm xã hội; Kế toán tài sản cố định và theo dõi một số đơn vị; Kế toán tổng hợp và tính giá thành; Kế toán thuế; Kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán công nợ; Kế toán theo dõi các đơn vị.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí như sau :

- Kế toán trưởng: Tổ chức xây dựng bộ máy toàn Công ty, tổ chức hạch toán kế toán, phân công và hướng dẫn nghiệp vụ cho nhân viên phòng kế toán.

- Phó phòng kiêm kế toán tổng hợp: Tập hợp phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành của từng công trình, từng đơn vị và toàn Công ty.

- Thủ quỹ: Nhập tiền vào quỹ và xuất tiền theo chứng từ thu chi, xác định số tồn quỹ, tình hình thu chi tiền mặt. Thực hiện trả lương, tạm ứng, thanh toán các chi phí phục vụ cho sản xuất và công tác của cơ quan, đội, tổ; thực hiện mua bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên. Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển vật tư cả về giá trị và hiện vật.

- Kế toán ngân hàng và thuế: Thực hiện các công việc với ngân hàng Công ty giao dịch, theo dõi tình hình các loại tài sản cố định, tính khấu hao tài sản cố định của Công ty và các đơn vị, kiểm tra việc tập hợp chứng từ của kế toán đơn vị theo dõi, ghi sổ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo dõi các khoản thuế phát sinh tại Công ty.

- Kế toán công nợ: Theo dõi và thanh toán các khoản nợ phải thu và nợ phải trả của Công ty.

- Kế toán theo dõi các đơn vị: theo dõi việc tập hợp chứng từ của kế toán các đơn vị, vào sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; hàng tháng đối chiếu số dư giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc phải khớp đúng.

2.1.3.2 Hình thức kế toán và sổ sách áp dụng

Công ty áp dụng phần mềm trên máy với hệ thống sổ sách gồm: Nhật ký chung, sổ cái, sổ, thẻ chi tiết, bảng tổng hợp các tài khoản...

Một niên độ kế toán được bắt đầu từ 1/1 và kết thúc vào 31/12, Công ty sử dụng đơn vị Đồng Việt nam để ghi chép kế toán, nếu trường hợp nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ, khi hạch toán sẽ được qui đổi theo tỷ giá do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố.

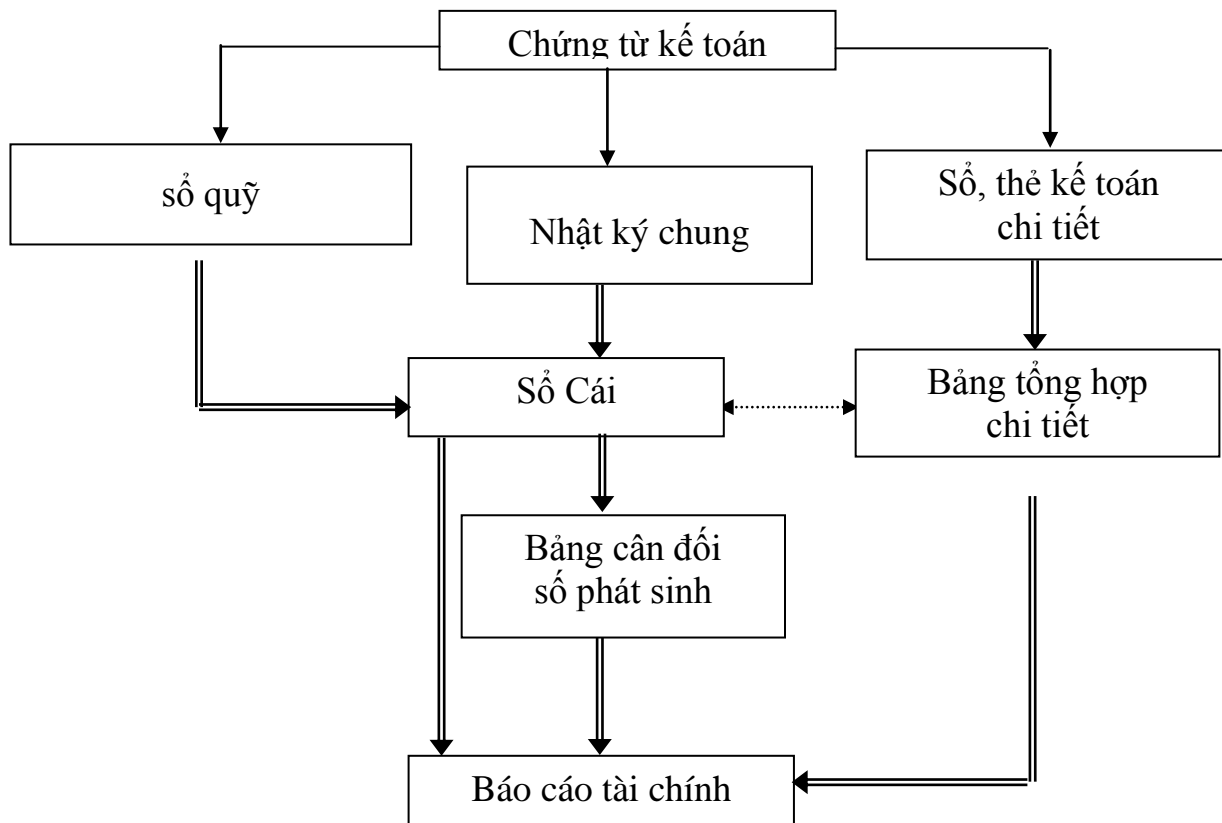
Các chứng từ kế toán của Công ty thực hiện theo đúng Biểu mẫu của bộ tài chính và tổng cục thống kê quy định áp dụng thống nhất trong cả nước từ ngày 1 tháng 1 năm 1996, cùng với các văn bản quy định bổ sung và sửa đổi.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hệ thống tài khoản kế toán Công ty đang áp dụng được ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cùng với các văn bản quy định bổ sung, sửa đổi.

Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, tính trị giá xuất kho bằng phương pháp thực tế đích danh.

Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

◄.....► Đối chiếu

————► Ghi hàng ngày

====► Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề cung cấp thông tin kế toán cho yêu cầu quản lý nội bộ và cho các cơ quan chức năng, công ty thiết lập hệ thống báo cáo gồm:

* Báo cáo nội bộ:

- Định kì hàng tháng :

- + Báo cáo quỹ;
- + Báo cáo chấm công lao động.

- Định kỳ quý:

- + Báo cáo lãi, lỗ về tiêu thụ hàng sản phẩm hàng hoá;
- + Báo cáo tình hình thu chi tiền mặt, ngoại tệ;
- + Báo cáo công nợ.

* Báo cáo tài chính:

Gồm 04 loại theo quy định của chế độ kế toán. Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (B01 - DN)
- + Kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03- DN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (B09- DN)

2.2 Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

2.2.1 Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất

Mỗi công trình, hạng mục công trình đều được mã hoá theo nguyên tắc: MA01, MA02 ,..., MA100, MB01, MB02 ,..., MB100 để máy tự động tính chi phí, giá thành từng công trình.

Do đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là khoán gọn các công trình, hạng mục công trình cho các xí nghiệp, các đội nên tất cả các chi phí phát sinh

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

đến một công trình, hạng mục công trình đều thông qua tài khoản 141. Khi phát sinh chi phí liên quan đến các công trình, hạng mục công trình do từng xí nghiệp chịu trách nhiệm thi công, kế toán Công ty hạch toán vào bên Nợ của tài khoản 141 (tạm ứng để thực hiện công trình). Cuối kỳ, nghiệm thu bàn giao công trình, quyết toán công trình, kế toán hạch toán vào bên Có của tài khoản 141 (thanh toán tạm ứng).

Khi đội trưởng gửi các hóa đơn, chứng từ gốc kèm bảng kê thanh toán hóa đơn GTGT hoặc bảng tổng hợp thanh toán thực chất là bảng tổng hợp tất cả các hóa đơn GTGT, các chứng từ phát sinh liên quan đến quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành của một công trình hay hạng mục công trình. Sau khi được kế toán trưởng, giám đốc phê duyệt thì kế toán thanh toán nhập chứng từ đầu vào và tiến hành nhập vào máy.

2.2.2 Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất

2.2.2.1 Đối tượng tập hợp chi phí

Cũng như hầu hết các Công ty xây lắp khác trong ngành, Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng luôn coi trọng đúng mức việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xuất phát từ đặc điểm ngành xây lắp, từ đặc thù của sản phẩm xây dựng và để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... Công ty đã xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình nhận thầu, từng đơn đặt hàng riêng biệt.

Mỗi công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành đều được mở sổ chi tiết để theo dõi tập hợp các khoản mục chi phí.

- Chi phí nguyên vật liệu.
- Chi phí nhân công trực tiếp.
- Chi phí sử dụng máy thi công.
- Chi phí sản xuất chung.

Trong đó chi phí sản xuất chung lại được theo dõi chi tiết theo từng yếu tố như:

- Chi phí nhân viên quản lý sản xuất.
- Chi phí dụng cụ sản xuất.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

Cuối mỗi tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc chi phí sản xuất của tất cả các công trình hạng mục công trình trong tháng kế toán nhập dữ liệu theo từng mã sản phẩm để theo dõi chi phí sản xuất riêng từng công trình.

Do phạm vi hoạt động của Công ty rộng, thi công nhiều công trình, hạng mục công trình nên trong khuôn khổ đề tài này em xin lấy số liệu của công trình Trạm biến áp (TBA) Công ty TNHH Nội thất 190 để minh họa.

Công trình được thực hiện theo phương thức khoán gọn, do Xí nghiệp xây lắp điện 6 chịu trách nhiệm thi công, chủ nhiệm công trình là ông Nguyễn Thắng Cảnh. Sau khi nhận khoán chủ nhiệm công trình sẽ chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí phát sinh.

2.2.2.2 Phương pháp kế toán chi phí sản xuất

a, Kế toán nguyên vật liệu trực tiếp

Cũng như các doanh nghiệp xây lắp khác, nguyên vật liệu trực tiếp trong sản xuất của Công ty gồm nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ dùng trực tiếp để sản xuất sản phẩm:

- Chi phí nguyên vật liệu chính bao gồm chi phí về: cáp điện các loại, cột điện, xà, sứ... Các chi phí nguyên vật liệu chính thường được xây dựng định mức chi phí và cũng tiến hành quản lý theo định mức.

- Chi phí vật liệu phụ bao gồm chi phí về: cốp pha, bulông, sơn...

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp nên việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu, quản lý nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu được rõ tầm quan trọng đó, Công ty luôn chú trọng tới việc hạch toán, quản lý nguyên vật liệu từ khâu thu mua, vận chuyển cho tới khi xuất dùng và cả trong quá trình sản xuất thi công ở công trường.

Công ty phải mua ngoài hầu hết các loại vật liệu đó theo giá thị trường. Đây là điều tất yếu trong nền kinh tế thị trường hiện nay, song nó đã gây khó khăn cho công

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

tác hạch toán vật liệu vì công trình xây dựng thường có thời gian thi công dài nên chịu ảnh hưởng lớn từ sự biến động cung cầu trên thị trường.

Hiện nay, Công ty hạch toán chi phí nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị vật tư nhập xuất tồn kho được đánh giá theo giá thực tế. Chi phí nguyên vật liệu phát sinh cho đối tượng nào thì được hạch toán trực tiếp cho đối tượng đó theo giá thực tế đích danh.

Do đặc điểm xây lắp ở những địa điểm khác nhau nên nguyên vật liệu thường không dự trữ trong kho mà được mua sử dụng cho từng công trình ngay tại nơi thi công. Do đó nguyên vật liệu trong kho của Công ty rất ít chủng loại và chiếm tỷ trọng nhỏ.

Khi các đơn vị thi công công trình có nhu cầu mua vật tư sử dụng cho thi công thì phải gửi hợp đồng mua vật tư, dự toán công trình, kế hoạch cung cấp vật tư của quý hoặc tháng về ban lãnh đạo Công ty. Giám đốc Công ty sẽ xem xét tính hợp lý, hợp lệ của các tài liệu đó rồi thông qua quyết định mua vật tư. Nếu được sự phê duyệt, Thủ quỹ xuất quỹ tạm ứng cho các đội đi mua vật tư. Tuy nhiên giá mua vật tư đều phải qua Công ty duyệt. Vật tư mua ngoài chủ yếu được chuyên thẳng tới công trường thi công và thuộc trách nhiệm quản lý của đội trưởng và chủ nhiệm công trình thi công.

Căn cứ vào các hoá đơn mua vật tư: Hoá đơn GTGT 0123456 và Hoá đơn GTGT 00012456 được nộp về phòng kế toán, đội trưởng lập bảng kê thanh toán vật tư được đính kèm với hoá đơn mua vật tư.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào bảng kê thanh toán vật tư kế toán tiến hành nhập liệu trên máy:

Từ menu trên màn hình giao diện, bao gồm: Hệ thống, Cập nhật, Thuế, Tìm kiếm, Báo cáo, Kiểm tra, Từ điển, Liên kết; ta vào ô “Cập nhật” vào phần “Nhập chứng từ” ở màn hình giao diện chính, xuất hiện giao diện nhập chứng từ kế toán tổng hợp, tiến hành nhập theo nội dung:

Tháng: 10

Ngày chứng từ: 31/10/2010

Ngày ghi số: 31/10/2010

Số hiệu: HT12

Diễn giải: Mua nguyên vật liệu - Công trình TBA Công ty TNHH Nội thất 190.

Tài khoản	Diễn giải	Nguyên tê	SL	PS Nợ	PS Có
621	Cáp điện, ống thép,...			266.000.000	
1331	Ctrình TBA Công ty TNHH nội thất 190			26.600.000	
141					292.600.000
...

Sau khi nhập xong nhấn vào ô “Ghi”, sau đó để tiếp tục nhập dữ liệu kích chuột vào ô “Thêm” trên màn hình nhập liệu. Máy sẽ tự động cập nhập vào sổ Nhật ký chung (Biểu 1), sổ cái tài khoản 621 (Biểu 2) và các sổ có liên quan khác.

b, Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp ở Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng chiếm khoảng 15% trong giá thành các công trình và hơn nữa có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động cũng như nghĩa vụ của đơn vị đối với người lao động. Do vậy hạch toán đúng đủ chi phí nhân công trực tiếp không chỉ góp phần vào việc tính toán hợp lý, chính xác giá thành công trình mà còn giúp thanh toán chi trả lương, tiền công kịp thời, khuyến khích, động viên người lao động.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Để phản ánh khoản mục chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp. Tiền lương, phụ cấp, các khoản trích trên lương của công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân sử dụng máy (công nhân của Công ty) được tính vào khoản mục chi phí nhân công trực tiếp. Ngoài ra, các đơn vị thi công có thể thuê lao động thời vụ bên ngoài theo giá nhân công trên thị trường và không trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ cho lực lượng lao động này.

Như vậy khoản mục chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng bao gồm:

+ Tiền lương và các khoản trích trên lương của công nhân trực tiếp sản xuất nằm trong danh sách của Công ty.

+ Tiền công của công nhân thuê ngoài trực tiếp sản xuất.

Đối với công nhân trong danh sách Công ty trả lương theo hình thức khoán, cuối tháng dựa vào bảng chấm công, và hợp đồng làm khoán, kế toán Công ty tiến hành tính lương:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{công} \\ \text{thực lĩnh} \end{array} = \frac{\text{Lương khoán}}{\text{Tổng số công quy đổi theo hệ số hoàn thành công việc}} \times \begin{array}{l} \text{Số công quy đổi} \\ \text{theo hệ số hoàn} \\ \text{thành công việc} \end{array}$$

Số công quy đổi theo hệ số hoàn thành công việc được tính dựa vào hệ số tiền lương (l_i), hệ số hoàn thành công việc (d_i), và ngày công thực tế (n_i):

$$\begin{array}{l} \text{Số công quy đổi theo hệ} \\ \text{số hoàn thành công việc} \end{array} = l_i \times d_i \times n_i$$

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{công} \\ \text{thực lĩnh} \end{array} = \frac{\text{Lương khoán}}{\sum_{i=1}^n l_i \times d_i \times n_i} \times l_i \times d_i \times n_i$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hệ số hoàn thành công việc do đội trưởng đánh giá cho từng công nhân dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Đối với lao động thuê ngoài theo hợp đồng thời vụ, Công ty trả lương theo hợp đồng ký kết và không tiến hành trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ. Chỉ những công nhân trong biên chế, chịu sự quản lý, phân công công việc của Công ty thì Công ty mới trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định. Hàng tháng, dựa vào bảng thanh toán lương do kế toán đội nộp lên, kế toán Công ty tiến hành trích BHXH, BHYT, KPCĐ cho công nhân trực tiếp sản xuất, công nhân điều khiển máy thi công và tính vào chi phí nhân công trực tiếp chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình:

$$\text{Tiền lương được trả} = \text{Số công} \times \text{Mức 1 công}$$

Sau khi tính ra tổng cộng các khoản lương, kế toán còn xem xét các khoản tiền mà công ty tạm ứng cho họ để tính ra tiền lương thực lĩnh.

Tỷ lệ trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN là 30,5% trong đó 8,5% khấu trừ vào lương của công nhân viên, 22% Công ty trích nộp cho người lao động. Cụ thể trích 22% BHXH, 4.5% BHYT, 2% KPCĐ, 2% BHTN đều tính trên lương cơ bản.

Các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất, thi công công trình TBA Công ty TNHH Nội thất 190 trong tháng 10 năm 2010:

+ Trích BHXH = 7.920.000

+ Trích BHYT = 1.620.000

+ Trích KPCĐ = 720.000

+ Trích BHTN = 720.000

Từ số liệu trên bảng thanh toán lương kế toán tiến hành nhập liệu theo định khoản:

(1) Lương phải trả công nhân trực tiếp:

Nợ TK 622: 36.000.000

Có TK 334: 36.000.000

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(2) Các khoản trích theo lương:

Nợ TK 622: 7.920.000

Có TK 3382: 720.000

Có TK 3383: 5.760.000

Có TK 3384: 1.080.000

Có TK 3389: 360.000

Lương được tạm ứng toàn bộ cho công nhân, sau đó mới thu lại các khoản trích đóng các loại bảo hiểm.

Tương ứng với mỗi màn hình nhập liệu là một định khoản đơn. Máy sẽ tự động cập nhập số liệu vào sổ Nhật ký chung (Biểu 1), sổ cái TK 622 (Biểu 3), và các sổ khác có liên quan.

c, Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Hiện nay Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện HP có khá đầy đủ các thiết bị xây dựng và máy thi công hiện đại, đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu kỹ thuật của các công trình mà Công ty thi công xây lắp như các loại: máy ủi, máy xúc, máy lu, ô tô tự đổ, xe vận tải chuyên dùng, máy đóng cọc Diezel, máy khoan cọc nhồi, cầu bánh lốp, cầu bánh xích, ...

Các xí nghiệp, đội đều có máy thi công riêng, Công ty chỉ quản lý một số loại máy có giá trị lớn và điều động đến các công trình khi cần. Tuy nhiên do phần lớn các công trình mà Công ty thi công lại phân bố rải rác nhiều nơi ở khắp mọi miền Tổ Quốc nên việc vận chuyển máy thi công nhiều khi không thực hiện được, khi đó đội phải đi thuê ngoài máy thi công cho các công trình khi đội trưởng đề xuất để phục vụ kịp thời sản xuất, đẩy nhanh tiến độ thi công. Các chứng từ để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình trong trường hợp thuê máy là: “Hợp đồng thuê máy”, “Bảng tổng hợp chi phí thuê máy”, “Biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy”. Để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công Công ty sử dụng tài khoản 623. Nội dung của khoản mục chi phí này bao gồm:

+ Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng cho máy thi công như xăng dầu, phụ tùng thay thế.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Chi phí thuê máy thi công hay mua dụng cụ máy.

+ Chi phí trả tiền thuê và vận chuyển vật tư.

Các khoản khác liên quan như :

+ Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương của công nhân sử dụng máy được hạch toán vào TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”.

+ Trường hợp máy thi công do Công ty đưa đến phải tiến hành trích khấu hao máy và khoản chi phí này được hạch toán vào TK 627 (6274) “Chi phí khấu hao TCSĐ”. Cuối mỗi kỳ kế toán, Công ty tiến hành trích khấu hao theo QĐ166 phương pháp tính khấu hao là phương pháp khấu hao đường thẳng:

$$\frac{\text{Mức khấu hao TCSĐ}}{\text{TSCĐ}} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times \frac{1}{12} \times \text{Số tháng sử dụng}$$

+ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy thi công; chi phí liên quan đến sử dụng máy thi công như điện, nước, chi bằng tiền khác... được hạch toán vào TK 627 (6277) “Chi phí dịch vụ mua ngoài”.

+ Trong trường hợp máy đi thuê ngoài Công ty không phải trả lương cho công nhân điều khiển máy và nhiên liệu cho máy hoạt động.

Đối với công trình Nhà máy Nhiệt điện HP do XN xây lắp điện 6 chịu trách nhiệm thi công, đội đã thuê ngoài toàn bộ xe, máy móc cần thiết phục vụ cho quá trình thi công. Để thuê xe ủi, máy móc,... đội trưởng Nguyễn Thắng Cảnh phải tiến hành ký hợp đồng thuê máy với bên cho thuê.

Cuối tháng căn cứ vào các chứng từ về máy thi công thuê ngoài, kế toán đội tập hợp chi phí về máy thi công gửi về phòng kế toán Công ty

Tại phòng kế toán Công ty, kế toán sau khi xem xét tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ 64 - bảng kê hoá đơn thuê máy, kế toán lên chứng từ bằng cách nhập liệu vào phần “Nhập chứng từ” vào màn hình nhập liệu nhập theo định khoản:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

(1) Nợ TK 623: 11.400.000

Có TK 141: 11.400.000

(2) Nợ TK 1331: 1.080.000

Có TK 141: 1.080.000

Mỗi màn hình nhập liệu tương ứng với một định khoản đơn. Máy sẽ tự động cập nhật số liệu vào sổ Nhật ký chung (Biểu 1), sổ cái tài khoản 623 (Biểu 4) và các sổ có liên quan khác.

d, Kế toán chi phí sản xuất chung và phân bổ chi phí sản xuất chung

Tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng có các khoản chi phí sau được tính là chi phí sản xuất chung:

+ Chi phí nhân viên đội sản xuất: gồm chi phí về tiền lương, phụ cấp phải trả và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương của nhân viên quản lý, nhân viên thống kê, kế toán đội, ...

+ Chi phí nguyên vật liệu dùng cho công tác quản lý

+ Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất dùng cho công tác quản lý

+ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, máy thi công và chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng cho công tác quản lý, khấu hao máy thi công.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ quản lý sản xuất, máy thi công như: điện thoại, fax, điện, nước, ...

+ Chi phí khác bằng tiền như: tiền giao dịch, tiếp khách,...

Đề tập hợp chi phí sản xuất chung sử dụng tài khoản 627. Tài khoản 627 được chia thành 5 tài khoản cấp 2:

- TK 6271: Chi phí nhân viên quản lý.

- TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất.

- TK 6274: chi phí khấu hao TSCĐ.

- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- TK 6278: Chi phí bằng tiền khác.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Kế toán chi phí nhân viên quản lý*

Chi phí nhân viên quản lý bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội, cán bộ thống kê đội...Hàng tháng cán bộ thống kê theo dõi thời gian lao động và tính lương cho bộ phận quản lý theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Tiền lương thực tế} &= \text{Tiền lương cơ bản} + \text{Tiền lương năng suất} \\ \text{Tiền lương cơ bản phải trả trong tháng} &= \frac{\text{Mức lương cơ bản} \times \text{Hệ số lương theo cấp bậc}}{22} \times \text{Số ngày làm việc trong tháng} + \text{Tiền lương nghỉ phép, nghỉ ốm} \end{aligned}$$

Lương năng suất được tính dựa trên mức độ phức tạp công việc, tình hình tài chính, lợi nhuận Công ty...

Tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp điện HP: BHXH, BHYT, KPCĐ đều được trích trên lương cơ bản, mức trích theo chế độ quy định hiện hành.

Cuối tháng số tiền nhân viên của bộ phận quản lý được nhận là:

$$\text{Số tiền thực lĩnh} = \text{Lương thực tế} + \text{Các khoản phụ cấp} - \text{Các khoản khấu trừ}$$

Trích bảng lương tháng 10 năm 2010 của bộ phận quản lý đội xây lắp điện 6

- Tổng lương thực tế = 5.500.000

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Dựa vào bảng tính lương, kế toán tiến hành nhập liệu (cũng như cách nhập liệu trên) theo định khoản:

Nợ TK 6271: 5.500.000

Có TK 334: 5.500.000

Nợ TK 6271: 110.000

Có TK 3382: 110.000

Nợ TK 6271: 880.000

Có TK 3383: 880.000

Nợ TK 6271: 165.000

Có TK 3384: 165.000

Nợ TK 6271: 55.000

Có TK 3389: 55.000

Mỗi định khoản tương ứng với mỗi màn hình nhập liệu. Máy tự động chuyển số liệu sang sổ Nhật ký chung (Biểu 1), sổ cái TK 627 (Biểu 5)

- *Kế toán chi phí công cụ, dụng cụ*

Công cụ dụng cụ trong Công ty bao gồm: Cuốc, xẻng, máy đầm, máy kéo dây, ba lăng... Chi phí công cụ, dụng cụ được hạch toán vào TK 6273 mua dùng 1 lần.

Cuối tháng kế toán đội tập các hoá đơn mua hàng, lập bảng tổng hợp thanh toán HĐ GTGT gửi lên phòng kế toán Công ty:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Tại phòng kế toán Công ty, kế toán sau khi xem xét tính hợp lý, hợp lệ của các hoá đơn, chứng từ số 462, kế toán tiến hành nhập liệu tương tự cách nhập liệu trên theo định khoản:

Nợ TK 6273: 244.000

Có TK 141: 244.000

Nợ TK 133: 12.200

Có TK 141: 12.200

Mỗi màn hình nhập liệu tương ứng với 1 định khoản. Máy tự động cập nhập số liệu vào sổ Nhật ký chung (Biểu 1), sổ cái TK 627 (Biểu 5).

- *Chi phí khấu hao tài sản cố định*

Chi phí khấu hao tài sản cố định được tập hợp vào tài khoản 6274.

Hiện nay tài sản cố định dùng vào sản xuất của Công ty bao gồm máy trộn bê tông, máy cắt, máy đầm, ô tô cầu...

Phần mềm kế toán mà Công ty đang sử dụng không có phần trích khấu hao tài sản cố định nên Kế toán Công ty phải tiến hành trích khấu hao tài sản vào cuối mỗi quý theo phương pháp khấu hao đường thẳng đúng như nội dung quy định trong quyết định 166/1999/QĐ-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ trưởng Bộ tài chính:

Trong quý 4 năm 2010 căn cứ vào số khấu hao của bảng trích khấu hao tài sản cố định kế toán tiến hành nhập liệu (tương tự cách nhập trên) theo định khoản:

Nợ TK 6274: 647.100

Có TK 214: 647.100

Máy tự động cập nhật số liệu vào sổ Nhật ký chung (Biểu 1), sổ cái TK 627 (Biểu 5) và các sổ có liên quan.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*

Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh tại các tổ đội xây lắp bao gồm tiền điện nước thuê bao điện thoại, cước điện thoại hàng tháng, tiền photo, mua tài liệu...

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Để tiến hành tập hợp chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh liên quan đến hoạt động của các tổ đội xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 6277- Chi phí dịch vụ mua ngoài, tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí là công trình, hạng mục công trình.

Cuối tháng đội trưởng đội xây lắp tập hợp các hoá đơn thanh toán với người cung cấp dịch vụ vào bảng kê thanh toán hóa đơn GTGT về phòng kế toán Công ty.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau khi kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ này kế toán tổng hợp số liệu nhập vào máy theo cách nhập liệu trên theo định khoản:

Nợ TK 6277: 56.142.243

Có TK 141: 56.142.243

Nợ TK 133: 2.807.112

Có TK 141: 2.807.112

Mỗi màn hình nhập liệu tương ứng với một định khoản. Máy tự động cập nhật số liệu vào sổ Nhật ký chung (Biểu1), sổ cái TK 627 (Biểu 5).

- *Chi phí bằng tiền khác*

Chi phí bằng tiền khác được tập hợp vào TK 6278, bao gồm các khoản chi tiếp khách đến công trường, chi công tác phí các đội xây dựng, chi bãi thầu...

Cuối tháng đội trưởng đội xây lắp tập hợp các chứng từ hoá đơn thanh toán liên quan tới các khoản chi phí này cùng bảng kê thanh toán hóa đơn GTGT về phòng kế toán Công ty.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào các số liệu bảng tổng hợp trên kế toán tiến hành nhập liệu (Theo cách nhập liệu trên) theo ĐK :

Nợ TK 6278: 6.523.925

Có TK 141: 6.523.925

Để tiến hành nhập liệu bút toán thuế kế toán vào màn hình nhập liệu và tiến hành nhập liệu theo ĐK:

Nợ TK 1331: 326.196

Có TK 141: 326.196

Quy trình nhập liệu đã được đề cập ở phần trước, máy tính sẽ tự động chuyển số liệu vào sổ Nhật ký chung(Biểu 1), sổ cái TK 627(Biểu 5) và các sổ có liên quan khác.

e, Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Cuối mỗi quý, Công ty thực hiện tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh trong quý cho từng công trình, rồi trên cơ sở đó tính toán ra tổng chi phí sản xuất phát sinh của cả Công ty. Mỗi công trình, hạng mục công trình đều được mở sổ chi tiết theo dõi chi phí sản xuất phát sinh theo từng khoản mục chi phí để làm cơ sở cho việc tính toán giá thành sản phẩm sau này.

Vì hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên Công ty sử dụng TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. Để tập hợp chi phí phát sinh trong quý kế toán thực hiện các thao tác kết chuyển trên máy vi tính các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK621), chi phí nhân công trực tiếp (TK622), chi phí sử dụng máy thi công (TK623), chi phí sản xuất chung đã được hạch toán chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình (TK627) sang bên Nợ TK 154. Trong quý 4 năm 2010, vào ngày 31 tháng 12 kế toán tổng hợp lựa chọn mục “Kết chuyển” trên giao diện khai báo các thông tin cần thiết để máy cộng số liệu trên cột bên Nợ của các sổ cái tài khoản 621, 622, 623, 627 (6277, 6278, 6273.....) vào sổ cái TK 154 (Biểu 6), sổ chi tiết TK 154 (Biểu 7).

Đối với công trình TBA Công ty TNHH Nội thất 190, chi phí tập hợp trong quý 4/2010:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 154 : 391.587.268

Có TK 621: 266.000.000

Có TK 622 : 43.920.000

Có TK 623 : 11.400.000

Có TK 627 : 70.267.268

f, Kế toán kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang

Đối với Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng việc hạch toán sản phẩm xây dựng hoàn thành là theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý, kỳ tính giá thành xây dựng hoàn thành là cuối quý nên để xác định được thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành trong quý phải tính được chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối quý. Khối lượng xây lắp dở dang cuối quý là khối lượng xây lắp chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được xác định bằng phương pháp kiểm kê.

Cuối quý, Ban kinh tế – kế hoạch cùng với kỹ thuật viên công trình tiến hành kiểm kê xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ cho từng công trình. Bộ phận kế toán khi nhận được “Bảng kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang” (chính là Bảng Chi tiết tài khoản 154: Biểu 7) cuối kỳ từ Phòng kế hoạch gửi sang sẽ tiến hành xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo công thức :

$$\text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} = \text{Khối lượng dở dang} \times \text{Đơn giá dự toán}$$

Từ đó kế toán xác định chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\text{Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ của công trình} = \frac{\text{Chi phí thực tế khối lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế khối lượng phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành} + \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}} \times \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đối với công trình TBA Công ty TNHH Nội thất 190, kế toán hạch toán tập hợp các chứng từ, phiếu thu, phiếu chi trên phần mềm kế toán sau hết một quý kế toán tập hợp các chi phí vật liệu nhân công, máy thi công, chi phí dịch vụ thuê ngoài, chi phí khác... sau đó tập hợp phân bổ các chi phí vào giá thành công trình qua bảng chi tiết TK 154 (Biểu 7).

2.3 Thực trạng công tác tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

2.3.1 Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Xuất phát từ đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây lắp và tình hình thực tế của Công ty mà đối tượng tính giá thành sản phẩm cũng là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Giá thành sản phẩm sẽ được tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

2.3.2 Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành mà Công ty thực hiện là theo từng quý. Song tùy thuộc vào thời điểm bàn giao công trình, hạng mục công trình đã được quy định trong hợp đồng mà Công ty có thể thực hiện kỳ tính giá thành sản phẩm khác nhau.

2.3.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty

Phương pháp tính giá thành áp dụng tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng là phương pháp tính giá thành trực tiếp.

Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp được và chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ và chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ trên các biên bản xác nhận khối lượng sản phẩm dở dang, kế toán tiến hành tính giá thành thực tế cho từng công trình theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế KLXL} \\ \text{hoàn thành} \\ \text{bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực} \\ \text{tế KLXL DD} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLDD cuối kỳ} \end{array}$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đối với công trình TBA Công ty TNHH Nội thất 190. Để phản ánh giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành kế toán sử dụng TK 632 - Giá vốn hàng bán. TK này được mở chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí dịch vụ thuê ngoài, chi phí khác,..... Kế toán lên chứng từ hạch toán chi phí, sau đó phân bổ các chi phí vào giá thành công trình (TK 154). Cuối mỗi quý kế toán thực hiện kết chuyển từ TK 154 sang TK 632 theo định khoản:

Nợ TK 632 : 391.587.268

Có TK 154: 391.587.268

Máy sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ Nhật ký chung (Biểu 1), sổ chi tiết TK154 (Biểu 7), sổ cái TK 154 (Biểu 6) và các tài khoản liên quan.

MỘT VÀI KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG

3.1 Nhận xét, đánh giá về tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán và kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

3.1.1 Những ưu điểm

- *Về tổ chức sản xuất kinh doanh*

Công ty là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, sở hữu vốn nhà nước chiếm 25%, vốn do CBCNV góp là 75%, là một doanh nghiệp lớn với quy mô hoạt động rộng, phân tán trên nhiều tỉnh thành. Công ty đã áp dụng hình thức giao khoán xuống các xí nghiệp, đội. Nhờ vậy, các đơn vị trực thuộc phải nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức tự chủ trong sản xuất giúp cho Công ty tạo ra được những sản phẩm chất lượng đảm bảo với giá cạnh tranh trên thị trường, từ đó không ngừng nâng cao uy tín của Công ty.

- *Về tổ chức quản lý*

Bộ máy quản lý của Công ty năng động, hợp lý, các bộ phận chức năng được tổ chức chặt chẽ, phân công phân nhiệm rõ ràng và hoạt động có hiệu quả, mô hình hạch toán khoa học, tiện lợi, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường.

- *Về công tác kế toán*

Cùng với quá trình chuyển đổi, trưởng thành của mình, công tác kế toán tại Công ty không ngừng được hoàn thiện nhằm đáp ứng tốt nhất, hiệu quả nhất yêu cầu quản lý, hạch toán kinh tế. Điều này được thể hiện rõ ở những ưu điểm sau:

Bộ máy kế toán tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cung cấp kịp thời những yêu cầu cơ bản về thông tin kế toán của Công ty. Đội ngũ cán bộ kế toán có trình độ, năng lực, nhiệt tình, được bố trí hợp lý tạo điều kiện nâng cao trách nhiệm công việc được giao, đáp ứng yêu cầu căn bản về công tác hạch toán kinh doanh nói chung và hạch toán chi phí sản xuất nói riêng.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức tương đối tốt, có sự kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ theo đúng quy định của Bộ tài chính.

Phương pháp hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu cung cấp các thông tin thường xuyên, kịp thời của công tác quản lý tại Công ty.

Công ty áp dụng hình thức Sổ nhật ký chung phù hợp với quy mô, loại hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đồng thời, việc ứng dụng máy vi tính, phần mềm kế toán vào phục vụ công tác kế toán đã tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức cho các nhân viên kế toán mà vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kế toán tài chính, kế toán quản trị, kịp thời đưa ra các thông tin hữu dụng đối với yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

- *Về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm*

Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành được xác định phù hợp với đặc điểm sản xuất của Công ty.

Công ty đã xác định rõ đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp là từng công trình, hạng mục công trình có dự toán riêng. Theo đó Công ty có thể đối chiếu kịp thời thực tế sản xuất thi công với dự toán để từ đó tìm ra nguyên nhân chênh lệch, rút ra bài học quản lý một cách nhanh nhất. Giá thành sản phẩm xây lắp của Công ty được xác định theo từng khoản mục, yếu tố chi phí sản xuất phù hợp với yêu cầu hạch toán của chế độ kế toán hiện hành.

Nhìn chung, công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty đã đáp ứng được yêu cầu quản lý đặt ra về thời gian và tính chính xác, cụ thể. Mặt khác chi phí sản xuất chủ yếu được tập hợp trực tiếp, giảm bớt việc phân bổ chi phí cuối kỳ làm tăng mức độ chính xác cho việc tính giá thành sản phẩm.

Công ty tạo điều kiện cho các đơn vị trực thuộc có những quyền chủ động nhất định trong quá trình hoạt động như: thuê lao động, thuê máy móc, tìm công trình, ...nhưng vẫn gắn liền với hiệu quả kinh tế, yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công việc.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều này đã có những tác động tích cực đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành công trình, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.

3.1.2 Những nhược điểm

3.1.2.1 Về tổ chức sản xuất kinh doanh

Việc giao khoán công trình, hạng mục công trình cho các tổ, đội, xí nghiệp là phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh xây lắp tuy nhiên cũng có một số yếu điểm đó là: khó có thể quản lý chặt chẽ, chi tiết các hoạt động của tổ đội, xí nghiệp; khó kiểm soát chất lượng công trình, và chi phí thực tế của công trình đó.

3.1.2.2 Về công tác kế toán

Nhìn chung công tác kế toán của Công ty thực hiện khá tốt, số liệu chính xác, tuy nhiên vẫn còn một số những nhược điểm cần lưu ý khắc phục để phục vụ tốt hơn cho việc cung cấp các thông tin kế toán như:

Công tác luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng Tài chính - kế toán công ty vẫn còn sự chậm trễ. Thông thường, các chứng từ phát sinh sẽ được kế toán đơn vị tập hợp và chỉ đến cuối tháng hoặc cuối quý mới được chuyển về phòng tài chính Công ty để vào sổ nhưng có nhiều chứng từ phát sinh trong tháng này, kỳ này thì phải đến tháng sau, kỳ sau mới được gửi lên.

Máy móc thiết bị phục vụ cho công tác kế toán đã cũ, không đảm bảo để có thể thực hiện nhanh khối lượng công việc theo yêu cầu.

Khi hạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán phải phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình sau đó mới tiến hành nhập liệu nên rất mất thời gian.

3.1.2.3 Về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

a, Công tác luân chuyển chứng từ

Công tác luân chuyển chứng từ chậm trễ đã làm tỷ trọng các khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm xây lắp giữa các tháng, các kỳ biến động lớn, phản ánh không đúng, không chính xác chi phí phát sinh trong từng tháng và làm cho các công việc kế toán không hoàn thành đầy đủ, đúng thời hạn và đồng bộ vì khối lượng công việc quá lớn thường bị dồn vào cuối kỳ kế toán.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

b, Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chưa quản lý chặt chẽ được nguyên vật liệu tại các công trường thi công dẫn đến thất thoát lớn, làm tăng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp từ đó làm tăng giá thành của công trình, đồng nghĩa với việc chất lượng công trình bị giảm.

c, Chi phí nhân công trực tiếp

Tất cả các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả công nhân thuộc xí nghiệp, đội ; tiền công trả cho lao động thuê ngoài đều được hạch toán vào bên có tài khoản 334 mà không được chi tiết theo chế độ kế toán hiện hành quy định. Điều này làm tăng các khoản trích theo lương, đồng thời việc theo dõi, đánh giá thu nhập của người lao động khó chính xác.

Các khoản tiền lương, phụ cấp của công nhân điều khiển máy thi công lại được hạch toán vào tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” mà không hạch toán vào tài khoản “Chi phí sử dụng máy thi công” TK 623 (6231). Việc phân loại hạch toán sai làm cho khoản mục chi phí không phản ánh đúng thực tế phát sinh, tăng chi phí nhân công trực tiếp, giảm chi phí sử dụng máy thi công.

Công ty vẫn hạch toán các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, tiền ăn ca của công nhân trực tiếp sản xuất thi công, công nhân điều khiển máy vào TK 622 như các doanh nghiệp sản xuất khác mà không hạch toán vào TK627 như chế độ quy định. Làm tăng chi phí nhân công trực tiếp, giảm chi phí sản xuất chung, ảnh hưởng đến sự phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình không chính xác.

Các bút toán hạch toán như trên không phù hợp với chế độ kế toán quy định cho các doanh nghiệp xây lắp, làm giảm chi phí sản xuất chung, chi phí sử dụng máy thực tế, tăng chi phí nhân công trực tiếp, làm thay đổi tỷ trọng chi phí và do vậy có thể dẫn đến chênh lệch giữa chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh với dự toán công trình, có thể dẫn đến những quyết định không chính xác, khó khăn trong việc tìm phương hướng giảm chi phí, hạ giá thành.

Hơn nữa, theo chế độ quy định là kinh phí công đoàn phải trích trên lương thực tế trả cho công nhân viên trong tháng nhưng Công ty lại trích theo lương cơ bản của công nhân viên, do đó làm cho khoản trích kinh phí công đoàn tính vào chi phí sản

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

xuất cho các đối tượng, tập hợp chi phí thiếu chính xác, ảnh hưởng đến tính đúng, tính đủ giá thành công trình, hạng mục công trình. Làm giảm giá thành công trình xây lắp.

Ngoài việc hạch toán không đúng khoản trích trên tại Công ty còn tồn tại thực tế là nhiều đơn vị trực tiếp thi công của Công ty không thực hiện trích, nộp các khoản trích trên lương theo quy định về Công ty đúng kỳ hoặc có trường hợp lại trích theo quý. Như vậy việc hạch toán tại Công ty đã vi phạm nguyên tắc trích BHXH, BHYT, KPCĐ, không phản ánh kịp thời chi phí phát sinh và có thể gây đột biến về chi phí nhân công giữa các kỳ hạch toán.

d, Chi phí sử dụng máy thi công

Hiện nay Công ty sử dụng tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công” để tập hợp các chi phí phát sinh nhưng chưa được chi tiết theo từng khoản mục chi phí phát sinh nên thông tin không được cụ thể, rõ ràng. Các chi phí về nhân công điều khiển máy thi hạch toán hết vào chi phí sản xuất chung, chi phí khấu hao máy thi công cũng hạch toán vào chi phí sản xuất chung gây khó khăn cho việc phân tích số liệu phục vụ cho việc ra các quyết định tài chính.

e, Chi phí sản xuất chung

Công ty thực hiện chưa đúng chế độ hạch toán chi phí: một số công cụ dụng cụ, luân chuyển dùng cho nhiều kỳ, Công ty không thực hiện phân bổ mà tính một lần, hoàn toàn vào lần sử dụng đầu tiên. Như vậy đã ảnh hưởng đến tính hợp lý của các khoản chi phí, có thể dẫn đến sự biến động bất thường về chi phí sản xuất chung giữa các kỳ kế toán với nhau.

Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định mà trong thời gian thi công nếu tài sản cố định, máy thi công của Công ty cần được sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên hay sửa chữa lớn thì mọi chi phí đó đều được hạch toán vào TK627- chi tiết theo đối tượng sử dụng. Đây là điều bất hợp lý vì nếu chi phí sửa chữa lớn phát sinh mà chỉ tập hợp một lần vào chi phí sản xuất chung trong kỳ thì sẽ đội chi phí sản xuất chung nên lớn hơn nhiều so với các kỳ khác và có thể gây ra chênh lệch lớn hơn so với dự toán.

Mặt khác, việc trích khấu hao tài sản cố định vẫn tiến hành theo QĐ 166 mà không trích theo QĐ 203 hiện hành.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

3.1.3 Nguyên nhân của những tồn tại, thiếu sót

Nguyên nhân khách quan

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh xây lắp, địa điểm sản xuất không cố định nên khó khăn trong việc quản lý vật tư cũng như việc luân chuyển chứng từ kịp thời.

Do chế độ chính sách của nhà nước có nhiều thay đổi mà doanh nghiệp chưa kịp thời cập nhật dẫn đến việc áp dụng chưa đúng.

Nguyên nhân chủ quan

Công ty chưa có sự thống nhất, chưa có những quy định cụ thể đối với những sai sót, chậm trễ của bộ phận kế toán.

Việc cập nhật và áp dụng chế độ kế toán mới còn chậm.

Trình độ chuyên môn của một số nhân viên kế toán ở tổ, đội còn hạn chế.

3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế trong quản lý hiệu quả và chất lượng sản xuất kinh doanh. Hạch toán giá thành là khâu phức tạp, liên quan đến các yếu tố đầu vào và đầu ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Với các doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm làm cơ sở để giám sát các hoạt động, từ đó khắc phục những tồn tại, phát huy những tiềm năng mới đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển trong cơ chế hạch toán kinh doanh của nền kinh tế thị trường hiện nay.

3.2.2 Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, phạm vi và mức độ hoàn thiện

Nhằm thực hiện công tác kế toán một cách hiệu quả, nhanh chóng, kịp thời, cung cấp các số liệu chính xác cho nhà quản lý.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nguyên tắc: Thực hiện hạch toán kế toán theo đúng quy định, chế độ hiện hành (Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC) và các thông tư liên quan.

Hoàn thiện công tác kế toán từ các tổ, đội, xí nghiệp đến phòng kế toán của Công ty và các phòng ban có liên quan nhằm hoạt động một cách hiệu quả, hợp lý nhất.

3.2.3 Những ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

3.2.3.1 Về công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên có biện pháp đôn đốc việc luân chuyển chứng từ từ phía kế toán đội, mà biện pháp tốt nhất đó là thực hiện về mặt tài chính. Xuất phát từ hình thức khoán của Công ty là Công ty tiến hành cho các đội tạm ứng tiền để tự lo nguyên vật liệu, nhân công thuê ngoài... cho nên để khắc phục những trệ trễ trong việc luân chuyển chứng từ, Công ty cần thực hiện nghiêm túc quy định các đơn vị phải nộp đầy đủ chứng từ lần này mới được cho tạm ứng tiếp.

Công ty nên đề ra một quy định rõ ràng về thời gian luân chuyển chứng từ. Ví dụ : Các hóa đơn, chứng từ các kế toán tổ, đội, xí nghiệp đã nhận và hạch toán thì chậm nhất sau 2 ngày phải được chuyển lên phòng kế toán của Công ty. Đồng thời với quy định là các chế tài để việc thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

3.2.3.2 Về công tác kế toán nguyên vật liệu

Trong thực tế tỷ lệ nguyên vật liệu hao hụt qua quá trình sản xuất ở các công trường của công ty là: 2 - 3 %. Để không lãng phí nguyên vật liệu, cần quản lý sát sao hơn khoản chi phí nguyên vật liệu, Công ty nên áp dụng thêm một số biện pháp sau:

- Theo dõi chặt chẽ các khoản chi phí nguyên vật liệu trên các tài khoản cấp 2 của tài khoản 152 như chế độ kế toán quy định cho các doanh nghiệp xây lắp.
- Thực hiện các biện pháp thưởng phạt công minh đối với việc sử dụng và quản lý nguyên vật liệu.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

- Theo dõi sát sao việc sử dụng nguyên vật liệu, so sánh với số liệu định mức trong dự toán để phát hiện kịp thời những hao hụt vượt mức không bình thường và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

- Về hạch toán giá thực tế vật liệu mua về nhập kho công trình:

Hiện nay, ở các đơn vị trực tiếp thi công xây lắp của Công ty, khi hạch toán chi phí nguyên vật liệu đã không tính chi phí vận chuyển, thu mua, bốc dỡ mà chỉ tính giá trị nguyên vật liệu = giá mua (= giá hoá đơn - chiết khấu TM, giảm giá hàng bán). Chi phí vận chuyển, bốc dỡ được hạch toán vào tài khoản 627 và không chi tiết theo tài khoản cấp 2. Như vậy, kế toán đã thực hiện không đúng quy tắc, vi phạm nguyên tắc giá phí, làm cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp giảm đi một khoản và chi phí sản xuất chung tăng lên tương ứng. Việc này khiến cơ cấu chi phí trong giá thành thay đổi và sẽ gây khó khăn cho việc theo dõi, đánh giá, phân tích chi phí sản xuất phát sinh và giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành trong kỳ, ảnh hưởng đến kết quả, độ chính xác của những thông tin, số liệu cung cấp.

Chi phí vận chuyển, bốc dỡ được hạch toán như sau :

Nợ TK 621 (khoản chi chưa thuế)

Nợ TK 1331 (thuế GTGT)

Có TK 111,112,331... (tổng chi phí bốc dỡ, vận chuyển)

3.2.3.3 Về kế toán chi phí nhân công

Tại Công ty, cụ thể là tại các đơn vị thi công hiện nay chưa tách bạch giữa công nhân trực tiếp sản xuất với công nhân điều khiển máy thi công. Thường coi công nhân điều khiển máy thi công là công nhân trực tiếp sản xuất nên lương, phụ cấp, các khoản trích trên lương của công nhân điều khiển máy thi công đều được hạch toán vào khoản mục chi phí nhân công trực tiếp. Vì vậy, cũng như việc hạch toán sai chi phí mua nguyên vật liệu, việc hạch toán như trên đã làm thay đổi tỷ trọng các khoản mục chi phí trong giá thành công trình. Do đó, nếu có thể Công ty cần chỉ đạo các đơn vị sửa lại kịp thời sai sót này để việc hạch toán chi phí sản xuất thêm chính xác, hợp lý.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty cũng cần xem xét việc trích KPCĐ của công nhân trực tiếp sản xuất, cũng như bộ phận gián tiếp trên lương cơ bản bằng việc trích theo lương thực tế, đảm bảo hạch toán đủ chi phí sản xuất theo quy định.

Việc trích như Công ty đang thực hiện đã phản ánh không chính xác chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ. Nhưng không chỉ có vậy Công ty còn làm sai lệch độ lớn của các khoản mục chi phí khi hạch toán sai chế độ kế toán giành cho các doanh nghiệp xây lắp: hạch toán các khoản trích trên lương theo quy định của công nhân trực tiếp sản xuất vào TK622 mà không hạch toán vào TK627.

Công ty nên chỉnh đốn lại việc trích các khoản trích trên lương theo quy định từ các đơn vị thi công nhằm hạch toán đúng, đủ chi phí phát sinh đồng thời thu, nộp đủ, đúng hạn các khoản cho cơ quan chức năng nhà nước.

3.2.3.4 Về kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Công ty nên chi tiết tài khoản 623 theo chế độ quy định để hạch toán chi tiết các khoản mục chi phí phát sinh cho máy thi công, tránh hạch toán sai các nghiệp vụ kinh tế vào tài khoản 627 như đã làm. Cụ thể :

TK 6231 : dùng hạch toán lương, phụ cấp cho công nhân điều khiển máy thi công.

TK 6232 : dùng để hạch toán chi phí nhiên liệu, vật liệu phục vụ xe, máy thi công.

TK 6233 : dùng để hạch toán công cụ dụng cụ liên quan đến hoạt động của máy thi công.

TK 6234 : dùng để hạch toán chi phí khấu hao máy thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp công trình.

TK 6237 : dùng để phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến máy thi công như : thuê ngoài sửa chữa xe, máy thi công, bảo hiểm xe, điện, nước...

TK 6238 : dùng phản ánh các chi phí bằng tiền khác liên quan đến hoạt động của máy thi công.

3.2.3.5 Về kế toán chi phí công cụ , dụng cụ

Tại công ty, các công cụ dụng cụ có giá trị lớn, sử dụng cho nhiều kỳ vẫn được hạch toán thẳng vào các tài khoản chi phí mà không hạch toán vào tài khoản 142, để

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

phân bổ dần cho nhiều kỳ. Điều này phản ánh không chính xác chi phí phát sinh và không đúng nguyên tắc.

Chẳng hạn trong tháng 10 năm 2010 đội Xây dựng của Xí nghiệp xây lắp điện 6 có mua 1 máy cắt phục vụ thi công công trình Sửa chữa lớn đường dây 35KV nhánh Gia Minh_Hoá Chất. Giá trị của máy là: 1.200.000đ, đây là máy thi công song giá trị chưa đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định vì vậy có thể coi là công cụ dụng cụ với giá trị tương đối lớn, hơn nữa máy này có thể sử dụng lâu dài cho nhiều công trình song đội lại hạch toán thẳng vào chi phí máy thi công trong tháng mà không thực hiện hạch toán vào TK142 để phân bổ dần. Điều này thể hiện việc hạch toán sai nguyên tắc của đội.

Vì vậy em xin kiến nghị là Công ty cần phải phân bổ theo mức: 50% hay 25% giá trị cho lần sử dụng đầu tiên hay theo định mức sử dụng, ... còn nếu công cụ dụng cụ sử dụng cho nhiều công trình thì có thể phân bổ theo số lần hay số kỳ sử dụng.

3.2.3.6 Về kế toán chi phí liên quan đến TSCĐ và máy thi công

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên máy móc thiết bị, tài sản cố định có thể hạch toán thẳng vào tài khoản chi phí trong kỳ nhưng phải tách bạch giữa tài sản cố định dùng chung cho đội xây dựng với máy thi công:

Nợ TK627 (chi tiết theo TK cấp 2)

Nợ TK623 (chi tiết theo TK cấp 2)

Có TK liên quan: TK111, TK112, ...

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trước hết phải được hạch toán vào TK2143- “Sửa chữa lớn TSCĐ”. TK này có thể mở thêm các TK cấp 3,4 để theo dõi riêng tài sản cố định và máy thi công, chẳng hạn như:

TK 24131 - “Tài sản cố định”

TK 24132 - “Máy thi công”, ...

Khi sửa chữa lớn hoàn thành, kết chuyển vào TK142:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK142(1421)

Có TK2413 (Chi tiết từng TSCĐ sửa chữa lớn)

Sau đó tiến hành phân bổ dần chi phí sửa chữa lớn vào chi phí sản xuất kinh doanh theo tiêu thức phù hợp: số kỳ sử dụng tài sản cố định, số kỳ sử dụng máy thi công,...

Nợ TK627, TK623: Số phân bổ từng kỳ

Về việc trích khấu hao tài sản cố định cũng như máy thi công, theo em Công ty nên tính mức trích khấu hao theo QĐ 206. Theo QĐ 206 TSCĐ được tính khấu hao theo ngày sử dụng mà không được làm tròn tháng, khi đó việc tính khấu hao sẽ chính xác hơn, phản ánh đúng chi phí trong kỳ của công ty.

$$\text{Mức trích} \\ \text{khấu hao} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times \frac{1}{360} \times \text{Số ngày sử dụng}$$

Trên đây là một số kiến nghị, ý kiến đề xuất của em về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng. Với trình độ còn nhiều hạn chế em không dám kỳ vọng những ý kiến của mình là hoàn toàn hợp lý và chính xác song em vẫn mong rằng những ý kiến này sẽ có ít nhiều ý nghĩa thực tiễn đối với công tác hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

KẾT LUẬN

Đối với doanh nghiệp xây lắp, việc phấn đấu giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao chất lượng công trình, tăng lợi nhuận là những vấn đề rất thời sự và bức thiết. Để thực hiện những mục tiêu trên việc tổ chức sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, các chi phí khác và việc tổ chức quản lý được đặt lên hàng đầu. Song công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm phải được tổ chức tốt, hoàn thiện thường xuyên thì mới nâng cao được hiệu quả.

Khoá luận tốt nghiệp: “Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng” đã phân nào đưa ra được những ý kiến đề xuất hoàn thiện mang tính thời sự cho Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng nói riêng và các công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nói chung.

Khoá luận đã đề cập:

Về lý luận Khoá luận đã nêu và hệ thống được những lý luận cơ bản về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp.

Về thực tiễn Khoá luận phản ánh trung thực, khách quan công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng với tình hình số liệu năm 2010 minh chứng cho các lập luận đã đưa ra.

Sau khi đánh giá công tác tổ chức kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán, đi sâu đánh giá công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm của Công ty Khoá luận cũng đã đưa ra những ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng trên các mặt: Tổ chức công tác kế toán, thu thập và hạch toán các chi phí, ghi chép và tính toán giá thành, luân chuyển chứng từ, áp dụng chế độ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

Các ý kiến đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại cơ sở nên mang tính khả thi và là những tài liệu tham khảo cho các doanh nghiệp xây lắp, mặc dù nhiều ý kiến còn mang đậm màu sắc lý luận.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Một lần nữa em rất mong nhận được sự góp ý của Ban giám đốc, các cô chú trong phòng kế toán Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp điện Hải Phòng, các thầy cô giáo và những người quan tâm để những vấn đề em đưa ra được hoàn thiện và có hiệu quả trên thực tế.

Hải Phòng, tháng 06 năm 2011